

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH BÁC SĨ NỘI TRÚ NĂM 2025

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
1	713007	Nguyễn Đậu Thanh	Lâm	Nam	19/11/2001	Đắk Lắk	Giải phẫu bệnh	M	9,25	7,67	9,33	26,25
2	713014	Ngô Quang	Thiên	Nam	16/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Giải phẫu bệnh	M	9,17	7,08	9,08	25,33
3	713006	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	04/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Giải phẫu bệnh	M	8,25	7,5	9,17	24,92
4	713019	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	18/02/2001	Đồng Tháp	Giải phẫu bệnh	M	8,25	7,08	9,25	24,58
5	713016	Nguyễn Xuân Hoài	Thương	Nữ	09/08/2001	Đắk Lắk	Giải phẫu bệnh	M	7,75	6,58	9,17	23,5
6	713002	Nguyễn Phạm Bảo	Châu	Nữ	25/09/2001	Sóc Trăng	Giải phẫu bệnh	M	8,83	5,42	9	23,25
7	713013	Bùi Thị Phương	Thảo	Nữ	26/10/2001	Lâm Đồng	Giải phẫu bệnh	M	7,5	6,58	9,08	23,16
8	713008	Nguyễn Thị Kim	Linh	Nữ	25/05/2000	An Giang	Giải phẫu bệnh	M	8,08	5,83	8,67	22,58
9	713012	Phạm Trần Nhật	Quang	Nam	17/01/2001	Sóc Trăng	Giải phẫu bệnh	M	7,42	6,17	8,92	22,51
10	713018	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	14/01/2001	Thừa Thiên Huế	Giải phẫu bệnh	M	8,17	5,83	8	22
11	713009	Nguyễn Hồ Khánh	Linh	Nữ	02/02/2001	Đắk Lắk	Giải phẫu bệnh	M	7,17	6,08	7,17	20,42
12	713017	Đoàn Hải	Trần	Nữ	13/12/2001	Trà Vinh	Giải phẫu bệnh	M	5,67	6,17	7,92	19,76
13	713001	Trần Nhật	Anh	Nữ	20/01/2001	Gia Lai	Giải phẫu bệnh	M	5,25	4,75	8	18
14	713011	Trần Nguyễn Kiều	Như	Nữ	09/7/1999	Hậu Giang	Giải phẫu bệnh	M	4,92	5,67	6,08	16,67
15	713004	Lưu Gia	Hân	Nữ	31/07/2001	Kiên Giang	Giải phẫu bệnh	M	5,17	5,17	6,08	16,42
16	713010	Nguyễn Kỳ Tuệ	Mẫn	Nữ	02/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Giải phẫu bệnh	M	5,17	4,75	5,17	15,09
17	713003	Trần Phương	Hà	Nữ	16/10/2001	Kiên Giang	Giải phẫu bệnh	M	4,58	4,08	4,58	13,24
18	713015	Hoàng Minh	Thư	Nữ	19/08/2001	Ninh Thuận	Giải phẫu bệnh	M	0	0	0	0
19	713005	Tạ Thị	Hoa	Nữ	05/06/2001	Hà Tây	Giải phẫu bệnh	M	0	0	0	0
1	716033	Lê Văn	Cát	Nam	18/09/2001	Đồng Nai	Chẩn đoán hình ảnh	M	8,75	8,83	8,17	25,75
2	716177	Lê Hồng	Ngọc	Nữ	10/04/2001	Đà Nẵng	Chẩn đoán hình ảnh	M	9,08	8,58	7,42	25,08
3	716180	Trần Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	12/02/2001	Phú Yên	Chẩn đoán hình ảnh	M	8,58	8,17	8,08	24,83
4	716314	Cao Thu	Trang	Nữ	19/09/2001	Gia Lai	Chẩn đoán hình ảnh	M	8,75	8,17	7,5	24,42
5	716058	Nguyễn Đình	Dũng	Nam	19/01/2001	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	M	9,17	8,08	7,17	24,42
6	716330	Viên Quang	Trung	Nam	24/04/2001	Trà Vinh	Chẩn đoán hình ảnh	M	7,83	8,08	8,17	24,08
7	716096	Trương Thị Hồng	Hương	Nữ	18/09/2001	Quảng Ngãi	Chẩn đoán hình ảnh	M	7,83	8,33	7,33	23,49
8	716023	Lê Thạc	Bách	Nam	13/02/2001	Khánh Hòa	Chẩn đoán hình ảnh	M	8,5	7,17	7,42	23,09
9	716163	Đoàn Lê Thu	Nga	Nữ	15/06/2001	Tây Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	M	8,5	7,33	7,08	22,91

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
10	716284	Phan Nguyễn Minh	Thơ	Nữ	20/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	M	7,42	8	7,17	22,59
11	716029	Phạm Quốc	Bảo	Nam	17/02/2001	Bình Định	Chẩn đoán hình ảnh	M	8,33	7,75	6,25	22,33
12	716034	Đàm Lê	Châu	Nam	10/06/2001	Quảng Bình	Chẩn đoán hình ảnh	M	7,75	7	7,42	22,17
13	716207	Phạm Trần Minh	Nhật	Nam	26/12/2001	Tiền Giang	Chẩn đoán hình ảnh	M	8	7,83	6,33	22,16
14	716290	Trần Ngọc Minh	Thư	Nữ	14/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	M	8,5	7,25	6,25	22
15	716148	Nguyễn Đoàn Phương	Mai	Nữ	25/12/2001	Quảng Ngãi	Chẩn đoán hình ảnh	M	7,67	7,25	6,75	21,67
16	716201	Nguyễn Ngọc Khánh	Như	Nữ	22/08/2001	Kon Tum	Chẩn đoán hình ảnh	M	7,67	7,42	6,5	21,59
17	716142	Nguyễn Hữu	Lợi	Nam	08/04/2001	Bình Định	Chẩn đoán hình ảnh	M	7,25	7,42	6,67	21,34
18	716111	Lê Anh	Khải	Nam	30/09/2001	Gia Lai	Chẩn đoán hình ảnh	M	8,5	7,17	5,17	20,84
19	716240	Nguyễn Đỗ	Quyên	Nữ	08/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	M	7,5	7,58	5,42	20,5
20	716319	Vân Phương	Trang	Nữ	08/02/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Chẩn đoán hình ảnh	M	6,17	7	5,08	18,25
21	716205	Phạm Hồng	Nhung	Nữ	07/06/2001	Cà Mau	Chẩn đoán hình ảnh	M	8,67	6,83	5,67	21,17
22	716075	Trần Thị Ngọc	Hân	Nữ	28/05/2001	Lâm Đồng	Chẩn đoán hình ảnh	M	7,92	6,92	6	20,84
23	716151	Nguyễn Thị Nguyệt	Minh	Nữ	04/08/2001	Kon Tum	Chẩn đoán hình ảnh	M	7,17	6,75	5,67	19,59
24	716272	Trương Thanh	Thảo	Nữ	31/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	M	8,17	5,67	5,33	19,17
25	716020	Phùng Hoàng Quế	Anh	Nữ	28/10/2001	Đà Nẵng	Chẩn đoán hình ảnh	M	6,92	5,67	5,92	18,51
26	716325	Đỗ Huy	Trọng	Nam	02/05/2001	Đồng Tháp	Chẩn đoán hình ảnh	M	8,17	6,83	3,5	18,5
27	716001	Hồ Ngọc Thúy	Ái	Nữ	16/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	M	8,33	5,83	4,33	18,49
28	716192	Sử Trọng	Nhân	Nam	01/11/2001	Bạc Liêu	Chẩn đoán hình ảnh	M	8,67	5,5	4,17	18,34
29	716065	Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	16/09/2001	An Giang	Chẩn đoán hình ảnh	6,08	6,33	6,08	3,5	15,91
30	716081	Lê Chí	Hiếu	Nam	05/11/2001	Đắk Lắk	Chẩn đoán hình ảnh	M	5,5	6	3,08	14,58
31	716320	Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	23/02/2001	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh	M	6,5	3,75	4,25	14,5
32	716105	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	02/02/2000	Gia Lai	Chẩn đoán hình ảnh	M	5,33	5	3,92	14,25
33	716028	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo	Nam	20/06/1999	Đồng Tháp	Chẩn đoán hình ảnh	M	5,25	5,75	2,83	13,83
34	716275	Đông Thụy Anh	Thi	Nữ	20/09/2000	Thừa Thiên Huế	Chẩn đoán hình ảnh	M	4,5	5,08	4	13,58
35	716157	Đoàn Nhật	Nam	Nam	15/10/2001	Bình Định	Chẩn đoán hình ảnh	M	5,08	4,5	4	13,58
36	716195	Lê Tiến	Nhật	Nam	04/06/2001	Phú Yên	Chẩn đoán hình ảnh	M	4,5	0	0	4,5
37	716341	Dương Thành	Tự	Nam	13/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	M	0	0	0	0
38	716015	Hoàng Thị Phương	Anh	Nữ	31/05/2001	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh	M	0	0	0	0
39	716130	Trương Ngọc	Lan	Nữ	15/08/2001	Lâm Đồng	Chẩn đoán hình ảnh	M	0	0	0	0
40	716054	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	26/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Chẩn đoán hình ảnh	M	0	0	0	0
1	716089	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	06/08/2001	Bình Định	Chẩn thương chỉnh hình	M	9,33	8,92	8,5	26,75
2	716061	Vũ Anh	Dũng	Nam	01/11/2001	Lâm Đồng	Chẩn thương chỉnh hình	M	9,5	8,42	8,58	26,5
3	716336	Trần Anh	Tuấn	Nam	26/03/2001	Quảng Trị	Chẩn thương chỉnh hình	M	9,42	8,75	8,17	26,34
4	716150	Nguyễn Lê Tấn	Minh	Nam	08/10/2001	Quảng Ngãi	Chẩn thương chỉnh hình	M	9,17	8,58	8,42	26,17

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
5	716078	Dương Lê Hoàng	Hiệp	Nam	23/07/2001	Bến Tre	Chấn thương chỉnh hình	M	9,17	8,42	8,08	25,67
6	716269	Nguyễn Tiến	Thành	Nam	01/01/2001	Đồng Nai	Chấn thương chỉnh hình	M	8,67	8,75	8,08	25,5
7	716026	Liêu Gia	Bảo	Nam	07/11/2001	Cà Mau	Chấn thương chỉnh hình	M	9,25	8,42	7,75	25,42
8	716231	Lê Trần Hoàng	Quân	Nam	16/10/2001	Bình Định	Chấn thương chỉnh hình	M	9,75	8,42	6,92	25,09
9	716123	Nguyễn Vĩnh	Kiên	Nam	18/09/2001	Quảng Nam	Chấn thương chỉnh hình	M	9,25	8,75	7	25
10	716251	Lê Văn	Tài	Nam	10/09/2001	Quảng Trị	Chấn thương chỉnh hình	M	9,17	8,42	7	24,59
11	716305	Lê Trần Quốc	Toàn	Nam	10/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Chấn thương chỉnh hình	M	9	8,42	7,08	24,5
12	716342	Nguyễn Ngọc	Tỷ	Nam	07/03/2001	Tiền Giang	Chấn thương chỉnh hình	M	8,67	8,33	7,33	24,33
13	716038	Nguyễn Thành	Công	Nam	16/06/2001	Đắk Lắk	Chấn thương chỉnh hình	M	8,75	8,42	7	24,17
14	716321	Trương Văn	Trạng	Nam	01/01/2001	Cần Thơ	Chấn thương chỉnh hình	M	8,75	7,83	7,5	24,08
15	716233	Bùi Nguyễn Minh	Quang	Nam	13/04/2001	Quảng Trị	Chấn thương chỉnh hình	M	9,08	7,17	7,83	24,08
16	716360	Trần Như	Ý	Nam	22/10/2001	Gia Lai	Chấn thương chỉnh hình	M	8,58	7,75	7,5	23,83
17	716005	Nguyễn Thanh	An	Nam	06/01/2000	Quảng Nam	Chấn thương chỉnh hình	M	9	8,33	6,5	23,83
18	716260	Nguyễn Ngọc	Tấn	Nam	13/12/1999	Bình Định	Chấn thương chỉnh hình	M	8,83	7,83	7	23,66
19	716088	Lưu Phạm Văn	Hoàng	Nam	25/12/2000	Đà Nẵng	Chấn thương chỉnh hình	M	8,5	7,67	7,33	23,5
20	716185	Phạm Minh	Nguyên	Nam	21/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Chấn thương chỉnh hình	M	7,83	8,42	7,08	23,33
21	716190	Đinh Đức	Nhân	Nữ	19/01/2001	Quảng Ninh	Chấn thương chỉnh hình	M	8,67	7,67	6,75	23,09
22	716276	Trần Hoàng Bá	Thi	Nam	29/09/2000	An Giang	Chấn thương chỉnh hình	M	8,67	7,5	6,58	22,75
23	716254	Nguyễn Văn	Tâm	Nam	14/12/2001	Nghệ An	Chấn thương chỉnh hình	M	8,08	8	6,5	22,58
24	716042	Võ Như	Cường	Nam	31/05/2000	Đà Nẵng	Chấn thương chỉnh hình	M	8,75	7,75	5,83	22,33
25	716040	Nguyễn Tấn	Cường	Nam	06/03/2001	Bến Tre	Chấn thương chỉnh hình	M	8,58	7	6,67	22,25
26	716126	Mã Lâm Hồng	Kỳ	Nam	02/12/2001	Sóc Trăng	Chấn thương chỉnh hình	M	7,83	7,42	6,75	22
27	716050	Hồng Tấn	Đạt	Nam	31/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	Chấn thương chỉnh hình	M	8,92	6,42	7,08	22,42
28	716267	Lê Minh	Thành	Nam	16/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Chấn thương chỉnh hình	M	8,75	6,75	5,92	21,42
29	716084	Phạm Lê Trung	Hiếu	Nam	24/01/2001	An Giang	Chấn thương chỉnh hình	M	7,33	6,92	6,75	21
30	716252	Võ Đỗ Công	Tài	Nam	17/05/2001	Đà Nẵng	Chấn thương chỉnh hình	M	6,75	6,92	5,67	19,34
31	716160	Lâm Đại	Nam	Nam	14/05/2001	Hà Nội	Chấn thương chỉnh hình	M	7,83	6,5	4,92	19,25
32	716027	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	29/08/2001	Kiên Giang	Chấn thương chỉnh hình	M	7,67	7,08	4,33	19,08
33	716159	Dương Võ Phương	Nam	Nam	29/05/2000	An Giang	Chấn thương chỉnh hình	M	8,08	5,83	5	18,91
34	716175	Hồ Nguyên	Ngọc	Nam	30/09/2001	Đà Nẵng	Chấn thương chỉnh hình	M	4,58	4,42	4,92	13,92
35	716066	Đặng Ngô Nhật	Duy	Nam	28/10/2001	Cà Mau	Chấn thương chỉnh hình	M	4,42	4,92	3,58	12,92
36	716200	Tổng Thị Thủy	Nhi	Nữ	04/11/1998	Hậu Giang	Chấn thương chỉnh hình	3,92	3,67	4,42	2,5	10,59
37	716118	Diệp Huỳnh Gia	Khiêm	Nam	23/05/2000	Tây Ninh	Chấn thương chỉnh hình	M	3,42	3,75	2,75	9,92
38	716093	Phạm Xuân	Hưng	Nam	08/08/2001	Hải Dương	Chấn thương chỉnh hình	M	0	0	0	0
39	716279	Trần Huỳnh Minh	Thiện	Nam	13/03/2001	Cần Thơ	Chấn thương chỉnh hình	M	0	0	0	0

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyện vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
40	716014	Bùi Việt	Anh	Nam	14/08/2001	Hưng Yên	Chấn thương chỉnh hình	M	0	0	0	0
1	716117	Từ Ngọc Quốc	Khánh	Nam	02/09/2001	Bình Thuận	Ngoại - Lồng ngực	M	9,08	8,5	6,83	24,41
2	716300	Lê Ngọc	Tiến	Nam	23/06/2001	Đắk Lắk	Ngoại - Lồng ngực	M	8,75	8,08	6,83	23,66
3	716187	Phạm Thế	Nguyễn	Nam	31/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Lồng ngực	M	8,5	7,92	7,17	23,59
4	716221	Huỳnh Hữu	Phúc	Nam	09/10/2001	Cần Thơ	Ngoại - Lồng ngực	M	8,83	7,83	6,67	23,33
5	716186	Huỳnh Trọng	Nguyễn	Nam	06/05/2001	Bạc Liêu	Ngoại - Lồng ngực	M	8	7,58	7,58	23,16
6	716285	Nguyễn Trường	Thọ	Nam	08/03/2001	Tiền Giang	Ngoại - Lồng ngực	M	9,08	8,33	5,5	22,91
7	716250	Huỳnh Tú	Sương	Nam	25/10/2001	Bến Tre	Ngoại - Lồng ngực	M	8,58	7,25	7	22,83
8	716086	Nguyễn Xuân	Hoài	Nam	23/03/2001	Bạc Liêu	Ngoại - Lồng ngực	M	8,58	7,42	6,75	22,75
9	716074	Trần Đức	Hải	Nam	27/02/2001	Bình Định	Ngoại - Lồng ngực	M	8,17	7,83	6,67	22,67
10	716144	Trịnh Quách	Long	Nam	19/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Lồng ngực	M	8,33	8,08	5,92	22,33
11	716213	Trần Nguyên	Phát	Nam	06/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Lồng ngực	M	8,42	7,5	5,08	21
12	716097	Huỳnh Phú	Hữu	Nam	21/11/2001	An Giang	Ngoại - Lồng ngực	M	7,42	7,5	5,58	20,5
13	716255	Trịnh Hoài	Tâm	Nam	07/10/2001	Bạc Liêu	Ngoại - Lồng ngực	M	7,83	7,17	5,5	20,5
14	716108	Nguyễn	Huỳnh	Nam	10/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Lồng ngực	M	7,5	7	5,42	19,92
15	716289	Thái Thị Khánh	Thư	Nữ	02/04/2001	Quảng Trị	Ngoại - Lồng ngực	M	6,25	7,25	5,42	18,92
16	716217	Ngô Trường	Phú	Nam	28/10/2001	Đà Nẵng	Ngoại - Lồng ngực	M	8	6,75	5,67	20,42
17	716181	Nguyễn Phúc	Ngôn	Nam	21/02/2001	Bến Tre	Ngoại - Lồng ngực	M	8	6,58	5,5	20,08
18	716239	Huỳnh Thị Mỹ	Quyên	Nữ	10/01/2001	An Giang	Ngoại - Lồng ngực	M	8	5,5	5,92	19,42
19	716053	Phạm Hồ Tấn	Đức	Nam	26/04/2001	Bình Định	Ngoại - Lồng ngực	M	8,08	6,58	4,75	19,41
20	716345	Nguyễn Triệu Nhật	Vân	Nữ	26/06/2001	Đồng Nai	Ngoại - Lồng ngực	M	7	6,33	5,33	18,66
21	716039	Dương Vĩ	Cường	Nam	21/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Lồng ngực	M	7,25	6,58	4,83	18,66
22	716188	Lê Thanh	Nhân	Nam	01/01/2000	Phú Yên	Ngoại - Lồng ngực	M	6,33	6,92	5,33	18,58
23	716226	Kiều Anh	Phương	Nam	01/07/2001	Lâm Đồng	Ngoại - Lồng ngực	M	7,17	7,33	4,08	18,58
24	716079	Ngô Hoàng	Hiệp	Nam	21/03/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Ngoại - Lồng ngực	M	6,83	7,17	3,67	17,67
25	716257	Lưu Hoàng Bá	Tân	Nam	23/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Lồng ngực	M	6,17	5,75	5,42	17,34
26	716051	Nguyễn Huy	Đạt	Nam	10/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Lồng ngực	M	6,75	6,92	3,67	17,34
27	716011	Lê Tự	Ấn	Nam	25/04/2001	Quảng Nam	Ngoại - Lồng ngực	M	6,75	5,58	4	16,33
28	716098	Hồ Anh	Huy	Nam	06/03/2001	Long An	Ngoại - Lồng ngực	M	5,92	6	4,17	16,09
29	716259	Trần Duy	Tân	Nam	14/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Lồng ngực	M	5,5	6,42	4	15,92
30	716183	Nguyễn Đào Thủy	Nguyên	Nữ	22/08/2001	Đồng Tháp	Ngoại - Lồng ngực	M	5,08	6	4,42	15,5
31	716067	Huỳnh Võ Khánh	Duy	Nam	14/10/2000	Long An	Ngoại - Lồng ngực	6,67	4,33	6,5	4,5	15,33
32	716361	Hồ Thị Hải	Yên	Nữ	14/11/2001	Bình Phước	Ngoại - Lồng ngực	M	5,5	5,17	4	14,67
33	716090	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	11/10/2001	Bình Định	Ngoại - Lồng ngực	M	3,67	3,58	3,17	10,42
34	716328	Đặng Thành	Trung	Nam	17/01/2001	Đồng Nai	Ngoại - Lồng ngực	M	4,5	5,42	0	9,92

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
35	716354	Nguyễn Hoàng Nhật	Vy	Nữ	18/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Lồng ngực	M	4,17	0	0	4,17
1	716296	Trần Thị Ngọc	Thúy	Nữ	01/09/2001	An Giang	Ngoại - Nhi	M	6,92	7,33	6,42	20,67
2	716120	Tạ Gia	Khiêm	Nam	05/03/2001	An Giang	Ngoại - Nhi	M	8,83	7,08	4,67	20,58
3	716149	Lê Ngọc	Mẫn	Nữ	17/10/2001	Long An	Ngoại - Nhi	M	7,92	6,67	5,5	20,09
4	716352	Lưu Nguyễn Thuần	Vy	Nữ	31/08/2001	Lâm Đồng	Ngoại - Nhi	M	6,67	6,5	5,17	18,34
5	716228	Vũ Ngô Uyên	Phương	Nữ	22/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	M	5,92	5,92	4,75	16,59
6	716155	Nguyễn Thị Khánh	Mỹ	Nữ	12/04/2001	Long An	Ngoại - Nhi	M	6	5,92	4,67	16,59
7	716179	Nguyễn Võ Hồng	Ngọc	Nữ	25/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	M	6,33	4,92	4,83	16,08
8	716246	Nguyễn Anh	Sang	Nam	07/01/2001	Bình Định	Ngoại - Nhi	M	6,67	5,08	3,25	15
9	716227	Phạm Đắc Quốc	Phương	Nam	23/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	M	6,25	4,42	3,33	14
10	716206	Bùi Nguyễn Minh	Nhật	Nam	25/06/2001	Đồng Tháp	Ngoại - Nhi	M	5,17	5,33	3,33	13,83
11	716145	Võ Thành	Long	Nam	01/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	M	0	0	0	0
12	716136	Tạ Thị Thùy	Linh	Nữ	30/08/2001	Hà Nội	Ngoại - Nhi	M	0	0	0	0
13	716018	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	20/03/2000	Đồng Tháp	Ngoại - Nhi	M	0	0	0	0
14	716147	Lý Nguyễn Hoàng	Mai	Nữ	19/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	M	0	0	0	0
15	716210	Lê Tiến	Phát	Nam	17/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Nhi	M	0	0	0	0
1	716337	Nguyễn Sơn	Tùng	Nam	11/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	9,58	9,08	8,5	27,16
2	716212	Trần Minh	Phát	Nam	14/11/2001	Lâm Đồng	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	9,58	9	8,33	26,91
3	716041	Phạm Quốc	Cường	Nam	18/03/2001	Gia Lai	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	9,58	8,5	8,33	26,41
4	716124	La Anh	Kiệt	Nam	20/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	8,75	9,33	8,25	26,33
5	716091	Nguyễn Viết Huy	Hoàng	Nam	14/01/2001	Hải Dương	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	9,17	8,42	8,17	25,76
6	716063	Phan Thanh Đại	Dương	Nam	25/04/2001	Bến Tre	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	9,08	8,58	8,08	25,74
7	716109	Đinh Phúc	Kha	Nam	12/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	9,33	8,25	7,92	25,5
8	716306	Lê Quốc	Toàn	Nam	31/07/2001	Đắk Lắk	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	9	8,17	8	25,17
9	716140	Lê Văn	Lộc	Nam	04/09/1997	Quảng Ngãi	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	9,33	8,33	7,33	24,99
10	716268	Lê Nhật	Thành	Nam	13/02/2001	An Giang	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	9,17	7,83	7,75	24,75
11	716161	Nguyễn Phan Hoài	Nam	Nam	19/08/2000	Đà Nẵng	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	8,08	7,83	7,67	23,58
12	716304	Đặng Quốc	Tinh	Nam	14/06/2000	Bình Thuận	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	7,92	8	6,17	22,09
13	716128	Lương Thanh	Lâm	Nam	22/08/2001	Quảng Ngãi	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	8	7,42	6,33	21,75
14	716237	Nguyễn Bảo	Quốc	Nam	21/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	8	6,92	5,42	20,34
15	716326	Trương Minh	Trọng	Nam	05/02/2001	Tây Ninh	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	7,75	6,83	5,75	20,33
16	716265	Đỗ Xuân	Thành	Nam	11/06/2001	Gia Lai	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	6,75	6,33	4,42	17,5
17	716032	Tạ Sơn	Cảnh	Nam	10/12/2001	Ninh Bình	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	6,08	6,08	3,33	15,49
18	716238	Nguyễn Hữu Anh	Quốc	Nam	18/12/2001	Bình Phước	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	6,17	5,83	3,17	15,17
19	716247	Chu Tấn	Sơn	Nam	06/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại - Thần kinh và sọ não	M	5,75	5,5	3,67	14,92

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
1	716158	Dương Nhật	Nam	Nam	22/05/2001	Cần Thơ	Ngoại - Tiết niệu	M	9,58	8,58	8,92	27,08
2	716030	Trần Nguyễn Gia	Bảo	Nam	01/01/2001	Bình Dương	Ngoại - Tiết niệu	M	7,17	6,58	5,08	18,83
3	716060	Trần Hoàng	Dũng	Nam	06/10/2001	Phú Yên	Ngoại - Tiết niệu	M	6,75	6,75	5,25	18,75
1	716332	Nguyễn An	Trường	Nam	02/09/2001	Kon Tum	Ngoại khoa	M	9,42	8,75	8,25	26,42
2	716292	Trần Bình	Thuận	Nam	14/10/2001	Bình Dương	Ngoại khoa	M	9,17	8,5	7,83	25,5
3	716218	Trần Duy	Phú	Nam	01/08/2001	Bình Định	Ngoại khoa	M	9,33	8,08	8,08	25,49
4	716102	Trần Quốc	Huy	Nam	26/03/2001	Bình Định	Ngoại khoa	M	9,17	9	7,17	25,34
5	716174	Trần Kế	Nghiệp	Nam	06/05/2001	Tiền Giang	Ngoại khoa	M	9	8,42	7,67	25,09
6	716143	Nguyễn Đình	Long	Nam	16/01/2001	Gia Lai	Ngoại khoa	M	8,25	8,5	8,25	25
7	716080	Nguyễn Phúc	Hiệp	Nam	04/09/2001	Gia Lai	Ngoại khoa	M	8,58	8,5	7,92	25
8	716248	Nguyễn Đức	Sơn	Nam	05/05/2001	Nghệ An	Ngoại khoa	M	9,08	7,92	7,92	24,92
9	716281	Lê Quốc	Thịnh	Nam	06/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	M	9,25	8,42	7,17	24,84
10	716189	Đặng Văn	Nhân	Nam	24/02/2001	Gia Lai	Ngoại khoa	M	8,92	8,08	7,83	24,83
11	716214	Bùi Quang	Phú	Nam	12/05/2001	Bình Phước	Ngoại khoa	M	8,33	8,25	8,17	24,75
12	716172	Cao Thị Uyên	Nghi	Nữ	02/02/2001	Bến Tre	Ngoại khoa	M	8,58	8,5	7,67	24,75
13	716339	Phạm Thanh	Tùng	Nam	21/09/2001	Nam Định	Ngoại khoa	M	8,75	8,17	7,75	24,67
14	716263	Bùi Trần Ngọc	Thanh	Nữ	10/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	M	9	8,33	7,33	24,66
15	716127	Cao Niên	Kỷ	Nam	20/12/2001	Khánh Hòa	Ngoại khoa	M	9,08	8,33	7,17	24,58
16	716153	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	20/02/2001	Lâm Đồng	Ngoại khoa	M	8,92	8,08	7,5	24,5
17	716004	Nguyễn Phúc	An	Nam	03/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	M	8,92	8,08	7,42	24,42
18	716182	Lê Đức	Nguyên	Nam	15/06/2001	Đắk Lắk	Ngoại khoa	M	9	8,33	7	24,33
19	716219	Bùi Trọng Gia	Phúc	Nam	19/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	M	8,33	7,92	7,92	24,17
20	716194	Hồ Nam Quý	Nhật	Nam	01/01/2001	Thừa Thiên Huế	Ngoại khoa	M	9,17	7,58	7,33	24,08
21	716104	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	16/04/2000	Gia Lai	Ngoại khoa	M	8,17	8,42	7,08	23,67
22	716046	Nguyễn Ngọc	Đặng	Nam	10/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	M	8,25	7,58	7,5	23,33
23	716273	Nguyễn Anh	Thế	Nam	10/04/2001	Đồng Nai	Ngoại khoa	M	8,58	7,58	7,08	23,24
24	716057	Nguyễn Chí Trí	Dũng	Nam	08/08/2001	Quảng Ngãi	Ngoại khoa	M	8,75	8,08	6,25	23,08
25	716348	Nguyễn Thế	Vinh	Nam	17/08/2001	An Giang	Ngoại khoa	M	8,67	8,25	5,83	22,75
26	716309	Ngô Nguyễn Ngọc	Trai	Nam	24/02/2001	Phú Yên	Ngoại khoa	M	7,75	7,67	7,17	22,59
27	716236	Phan Thanh	Quang	Nam	10/04/2001	Cần Thơ	Ngoại khoa	M	8,75	7,33	6,33	22,41
28	716049	Bùi Thành	Đạt	Nam	17/05/2001	Tây Ninh	Ngoại khoa	M	8,75	7,58	5,67	22
29	716036	Lê Hoàng	Chương	Nam	19/06/2001	Trà Vinh	Ngoại khoa	M	8,42	7,33	5,75	21,5
30	716076	Lê Minh	Hậu	Nam	19/01/2001	An Giang	Ngoại khoa	M	8	7,67	5,5	21,17
31	716119	Lê Hữu	Khiêm	Nam	29/09/2001	Thừa Thiên Huế	Ngoại khoa	M	7	7,67	6,42	21,09
32	716135	Nguyễn Thị Hà	Linh	Nữ	01/01/2001	Bình Thuận	Ngoại khoa	M	8,25	7,08	5,42	20,75

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyện vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
33	716235	Nguyễn Minh	Quang	Nam	07/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	M	6,58	7,08	5,83	19,49
34	716298	Nguyễn Phúc Vĩnh	Thụy	Nữ	17/11/2001	Vĩnh Long	Ngoại khoa	M	7,83	7,25	4,75	19,83
35	716025	Lê Gia	Bảo	Nam	23/06/2000	Cần Thơ	Ngoại khoa	M	7,33	7,67	4,58	19,58
36	716244	Hoàng Bá	Sang	Nam	25/03/2001	Đồng Nai	Ngoại khoa	M	7,25	7	4,75	19
37	716224	Hồ Thị Mỹ	Phụng	Nữ	29/05/2001	Bến Tre	Ngoại khoa	M	8,25	6,83	3,75	18,83
38	716169	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	Nữ	21/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	M	7	7,33	4,42	18,75
39	716044	Trần Thanh	Đân	Nam	01/01/2001	Quảng Trị	Ngoại khoa	M	7,58	6,83	4,25	18,66
40	716022	Bùi Thị Ngọc	Ánh	Nữ	26/08/2001	Nam Định	Ngoại khoa	M	6,33	6,17	5	17,5
41	716344	Nguyễn Hải	Vân	Nữ	21/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	M	6	6,75	3,92	16,67
42	716129	Võ Duy	Lâm	Nam	03/10/2001	Bình Dương	Ngoại khoa	M	6,92	5,92	3,83	16,67
43	716245	Lê Nguyễn Ngọc Minh	Sang	Nam	07/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	M	5	5,58	3,67	14,25
44	716288	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	17/12/2001	Tiền Giang	Ngoại khoa	M	5	5,17	4,08	14,25
45	716318	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	14/08/2001	An Giang	Ngoại khoa	M	5,92	4,58	3,5	14
46	716092	Lương Vĩnh	Hùng	Nam	07/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	M	5,75	4,75	3,17	13,67
47	716037	Nguyễn Việt	Chương	Nam	16/08/2001	An Giang	Ngoại khoa	M	5,17	4,42	3,17	12,76
48	716278	Bùi Ngọc	Thiện	Nam	25/01/2001	Quảng Ngãi	Ngoại khoa	M	4,75	4,33	3,67	12,75
49	716146	Lê Sen Thượng	Lũy	Nam	16/09/1999	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	M	5,25	4,5	3	12,75
50	716356	Nguyễn Xuân Tường	Vy	Nữ	15/12/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Ngoại khoa	M	4,75	4,5	3,33	12,58
51	716211	Trần Hoàng	Phát	Nam	04/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	M	0	0	0	0
52	716283	Trần Duy	Thịnh	Nam	17/10/2000	Tiền Giang	Ngoại khoa	M	0	0	0	0
53	716115	Lê Quốc	Khánh	Nam	05/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa	0	0	0	0	0
1	716303	Trần Ngọc	Tiền	Nữ	12/10/2001	Sóc Trăng	Nhân khoa	M	8,83	8,42	7,67	24,92
2	716082	Lê Trung	Hiếu	Nam	06/01/2001	Tây Ninh	Nhân khoa	M	9,25	8,08	7,58	24,91
3	716359	Huỳnh Thị Như	Ý	Nữ	13/09/2001	Cần Thơ	Nhân khoa	M	8,5	8,25	7,58	24,33
4	716024	Doãn Lê Thế	Bảo	Nam	01/01/2001	Đà Nẵng	Nhân khoa	M	8,17	8,5	7,08	23,75
5	716045	Đỗ Nguyễn Minh	Đặng	Nam	02/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhân khoa	M	8,08	7,67	7	22,75
6	716234	Đào Anh	Quang	Nam	14/01/2001	Đắk Lắk	Nhân khoa	M	8,33	8,25	6,17	22,75
7	716116	Nguyễn Ngọc	Khánh	Nữ	06/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhân khoa	M	8,33	7,08	6,58	21,99
8	716350	Đinh Việt	Vũ	Nam	09/09/2001	Đắk Lắk	Nhân khoa	M	8,17	8,08	5,58	21,83
9	716047	Hoàng Quang	Danh	Nam	26/3/2001	Khánh Hòa	Nhân khoa	M	8,5	7,75	5,5	21,75
10	716043	Phạm	Đan	Nam	04/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nhân khoa	M	8,5	7,5	5,67	21,67
11	716031	Thái Hồng	Cầm	Nữ	13/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhân khoa	M	8,67	6,75	5,33	20,75
12	716114	Lâm Kim	Khánh	Nữ	01/07/2001	Bình Dương	Nhân khoa	M	6,58	6,83	6,92	20,33
13	716110	Lê Phan Hoàng	Kha	Nam	30/09/2001	Bến Tre	Nhân khoa	M	8	6,83	5,08	19,91
14	716357	Phan Thảo	Vy	Nữ	10/02/2001	Sóc Trăng	Nhân khoa	M	7,08	6,5	6	19,58

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyện vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
15	716293	Vương Hòa	Thuận	Nam	07/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhân khoa	M	6,58	6,67	5,42	18,67
16	716083	Lê Văn	Hiếu	Nam	03/12/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhân khoa	M	7,33	5,67	5,5	18,5
17	716308	Nguyễn Thị Thảo	Trà	Nữ	21/09/2001	Đà Nẵng	Nhân khoa	M	8	5,42	4,83	18,25
18	716291	Huỳnh Minh	Thuận	Nam	18/03/2001	Sóc Trăng	Nhân khoa	M	7,08	5,67	5,17	17,92
19	716013	Bùi Phạm Minh	Anh	Nữ	04/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhân khoa	M	7,08	6,33	4,17	17,58
20	716003	Nguyễn Phạm Thuý	An	Nữ	27/02/2001	Bình Thuận	Nhân khoa	M	7,33	6,33	3,92	17,58
21	716222	Lê Quang	Phúc	Nam	31/05/2001	Tiền Giang	Nhân khoa	M	6,17	5,58	3,75	15,5
22	716168	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	16/11/2001	Tiền Giang	Nhân khoa	M	5,5	5,33	4,17	15
23	716261	Nguyễn Tấn	Thạch	Nam	30/10/2001	Quảng Nam	Nhân khoa	6,42	6,17	4,75	3,33	14,25
24	716162	Phạm Thành	Nam	Nam	04/07/1993	TP. Hồ Chí Minh	Nhân khoa	M	6,17	4,33	3,5	14
25	716270	Trương Văn	Thành	Nam	18/12/2001	Bình Định	Nhân khoa	M	0	0	0	0
26	716017	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	12/04/1999	TP. Hồ Chí Minh	Nhân khoa	M	0	0	0	0
1	716056	Lê Xuân Anh	Dũng	Nam	03/10/2001	Đắk Lắk	Sản phụ khoa	M	9,58	9	8,42	27
2	716343	Lê Trần Phương	Uyên	Nữ	02/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	M	8,92	8,83	8,42	26,17
3	716152	Trần Thị Ngọc	Minh	Nữ	03/01/2001	Đà Nẵng	Sản phụ khoa	M	9,33	8,67	7,75	25,75
4	716106	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	16/08/2001	Quảng Ngãi	Sản phụ khoa	M	9,08	8,5	7,83	25,41
5	716021	Trịnh Minh	Anh	Nữ	14/10/2000	Tây Ninh	Sản phụ khoa	M	9,25	8	8	25,25
6	716048	Nguyễn Thành	Danh	Nam	03/09/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản phụ khoa	M	8,83	8,17	8,17	25,17
7	716002	Châu Ngọc Thúy	An	Nữ	15/03/2001	Tiền Giang	Sản phụ khoa	M	9,17	8,42	7,5	25,09
8	716229	Đỗ Minh	Quân	Nam	22/08/2001	Đắk Lắk	Sản phụ khoa	M	9,17	7,92	8	25,09
9	716141	Vương Tài	Lộc	Nam	20/01/2001	An Giang	Sản phụ khoa	M	8,83	8,25	7,33	24,41
10	716208	H' Vi	Niê	Nữ	20/12/2001	Đắk Lắk	Sản phụ khoa	M	8,83	8,08	7,42	24,33
11	716055	Trần Nguyễn Phương	Dung	Nữ	17/12/2001	Quảng Nam	Sản phụ khoa	M	9,08	7,42	7,67	24,17
12	716301	Ngô Chí	Tiến	Nam	05/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	M	8,5	8	7,58	24,08
13	716137	Trương Gia	Linh	Nữ	07/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	M	8,75	7	7,92	23,67
14	716064	Trần Tấn	Dương	Nam	10/03/2001	Vĩnh Long	Sản phụ khoa	M	8	8,33	7,17	23,5
15	716071	Võ Nhật Ái	Duyên	Nữ	08/02/2001	Khánh Hòa	Sản phụ khoa	M	8,83	7,25	7	23,08
16	716242	Hoàng Khánh	Quỳnh	Nữ	21/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	M	6	6,5	7	19,5
17	716287	Lê Nhật Anh	Thư	Nữ	12/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	M	7,92	8	6,83	22,75
18	716166	Nguy Lê Khánh	Ngân	Nữ	15/08/2001	Cần Thơ	Sản phụ khoa	M	8	7,75	6,83	22,58
19	716139	Huỳnh Gia	Lộc	Nam	31/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	M	7,92	7,83	6,42	22,17
20	716095	Phan Thị Thanh	Hương	Nữ	07/06/2001	Quảng Ngãi	Sản phụ khoa	M	8,25	6,83	6,92	22
21	716176	Lê Hồ Hồng	Ngọc	Nữ	30/06/2001	Cà Mau	Sản phụ khoa	M	8,5	6,75	6,58	21,83
22	716009	Vũ Thị Bình	An	Nữ	24/08/2001	Hải Dương	Sản phụ khoa	M	8,08	6,5	6,67	21,25
23	716191	Lê Trọng	Nhân	Nam	07/06/1999	An Giang	Sản phụ khoa	M	8,42	7,17	5,58	21,17

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyện vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
24	716008	Trần Triệu Phước	An	Nam	26/06/2001	Sóc Trăng	Sản phụ khoa	M	8,75	7,25	5	21
25	716087	Lê Thị Nhật	Hoàng	Nữ	01/09/2001	Đồng Nai	Sản phụ khoa	M	8,33	7,33	5,33	20,99
26	716331	Hồ Mạnh	Trường	Nam	05/09/2001	Đắk Lắk	Sản phụ khoa	9,33	7,75	7,17	5,58	20,5
27	716107	Vũ Thanh	Huyền	Nữ	18/03/2001	Lâm Đồng	Sản phụ khoa	M	8,92	6,08	5,17	20,17
28	716324	Danh Sĩ	Trình	Nam	09/08/2000	Kiên Giang	Sản phụ khoa	M	7,25	7	5,5	19,75
29	716113	Nguyễn Mai	Khanh	Nữ	12/06/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản phụ khoa	M	6,58	7,08	5,58	19,24
30	716193	Nguyễn Hoàng	Nhất	Nam	15/12/2001	Đắk Lắk	Sản phụ khoa	M	7,33	6,08	5,83	19,24
31	716253	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	Nam	31/05/2001	Tiền Giang	Sản phụ khoa	M	7,92	6,58	4,67	19,17
32	716223	Trần Văn	Phúc	Nam	28/07/2001	Cà Mau	Sản phụ khoa	M	8	5,42	5,67	19,09
33	716327	Nguyễn Trần Nhã	Trúc	Nữ	04/05/2001	Tây Ninh	Sản phụ khoa	M	6,67	6,58	5,83	19,08
34	716271	Ngô Thị Thu	Thảo	Nữ	06/06/2001	Đà Nẵng	Sản phụ khoa	M	7,25	6,42	5,25	18,92
35	716353	Ngô Tường	Vy	Nữ	07/06/2001	Đồng Tháp	Sản phụ khoa	M	7,92	6,17	4,83	18,92
36	716178	Nguyễn Phan Bảo	Ngọc	Nữ	13/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	M	7,42	6,25	5	18,67
37	716134	Nguyễn Mạnh	Linh	Nam	13/01/2001	Kon Tum	Sản phụ khoa	M	5,67	6,75	6	18,42
38	716196	Châu Tú	Nhi	Nữ	25/10/2001	Bạc Liêu	Sản phụ khoa	M	6,33	6,92	5,17	18,42
39	716165	Bùi Hồng Thiên	Ngân	Nữ	15/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	M	6,5	5,5	6	18
40	716132	Khổng Triều	Linh	Nữ	13/08/2001	Cà Mau	Sản phụ khoa	M	7,67	6	4,08	17,75
41	716204	Lê Vũ Xuân	Nhung	Nữ	16/01/2001	Khánh Hòa	Sản phụ khoa	M	6,42	5,58	5,67	17,67
42	716274	Bùi Anh	Thị	Nữ	10/11/1999	Bạc Liêu	Sản phụ khoa	M	6,25	6,83	4,5	17,58
43	716286	Lại Ngọc Khánh	Thư	Nữ	16/08/2001	Đồng Tháp	Sản phụ khoa	M	5,67	6	4,42	16,09
44	716062	Nguyễn Tấn	Dương	Nam	16/08/2001	Kiên Giang	Sản phụ khoa	M	6,75	5,75	3,58	16,08
45	716059	Tạ Mạnh	Dũng	Nam	21/01/2000	Phú Thọ	Sản phụ khoa	M	6,92	4,17	4	15,09
46	716307	Nguyễn Thị Hương	Trà	Nữ	08/09/2001	Bình Thuận	Sản phụ khoa	M	5,5	4,67	4,67	14,84
47	716333	Lê Hữu	Truyền	Nam	19/05/2001	Phú Yên	Sản phụ khoa	M	5,5	5	4,17	14,67
48	716262	Nguyễn Đỗ Chiến	Thắng	Nam	03/05/2001	Đắk Lắk	Sản phụ khoa	M	4,92	4,83	3,33	13,08
49	716171	Phạm Thị Thu	Ngân	Nữ	12/12/2001	Long An	Sản phụ khoa	M	4,42	5,08	3,5	13
50	716125	Vương Nguyễn Hoàng	Kim	Nam	25/12/2001	An Giang	Sản phụ khoa	M	3,83	5	3,92	12,75
51	716230	Lê Nhật	Quân	Nam	22/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	M	4,58	4,75	3,17	12,5
52	716317	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	31/01/2001	Hải Phòng	Sản phụ khoa	M	3,75	3,67	3,58	11
53	716138	Trần Thị Bích	Loan	Nữ	30/08/2001	Đà Nẵng	Sản phụ khoa	M	0	0	0	0
54	716100	Nguyễn Quang	Huy	Nam	19/06/1998	Đà Nẵng	Sản phụ khoa	M	0	0	0	0
55	716167	Nguyễn Bình Kim	Ngân	Nữ	20/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	M	0	0	0	0
56	716315	Nguyễn Ngọc Đoan	Trang	Nữ	14/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa	M	0	0	0	0
1	716258	Nguyễn Huy Nhật	Tân	Nam	03/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Tai Mũi Họng	M	9,08	8,17	7,67	24,92
2	716012	Nguyễn Trâm Thiên	Ân	Nữ	12/08/2001	Đà Nẵng	Tai Mũi Họng	M	8,58	8,25	8,08	24,91

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
3	716156	Trần Anh Mai	Na	Nữ	13/08/2001	Phủ Yên	Tai Mùi Họng	M	8,75	8,08	7,25	24,08
4	716334	Nguyễn Đức	Tuấn	Nam	22/12/2001	Lâm Đồng	Tai Mùi Họng	M	8,58	7,83	7,5	23,91
5	716016	Lê Đào Hoàng	Anh	Nữ	27/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Tai Mùi Họng	M	8,67	7,67	7,42	23,76
6	716310	Hoàng Huyền	Trần	Nữ	23/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Tai Mùi Họng	M	8,92	8	6,83	23,75
7	716347	Nguyễn Tường	Vân	Nữ	17/05/2000	Đà Nẵng	Tai Mùi Họng	M	8,58	7,58	7,33	23,49
8	716338	Phạm Dương	Tùng	Nam	26/06/1999	Hà Nam	Tai Mùi Họng	M	8	7,92	6,92	22,84
9	716101	Phạm Nhật	Huy	Nam	14/05/2001	An Giang	Tai Mùi Họng	M	8,33	7,67	6,58	22,58
10	716335	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	24/07/2001	Quảng Ngãi	Tai Mùi Họng	M	8	7,25	6,42	21,67
11	716112	Lại Phương	Khanh	Nữ	20/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Tai Mùi Họng	M	8,17	7,33	6,17	21,67
12	716299	Lê Thị Cẩm	Tiên	Nữ	07/09/2001	Long An	Tai Mùi Họng	M	8,75	7,5	4,92	21,17
13	716316	Nguyễn Thị Đoan	Trang	Nữ	24/02/2001	Lâm Đồng	Tai Mùi Họng	M	8,08	7,42	4,92	20,42
14	716358	Trần Thị Kim	Xuyến	Nữ	25/08/2001	Quảng Nam	Tai Mùi Họng	M	7,83	6,92	5,5	20,25
15	716069	Phạm Văn	Duy	Nam	21/03/2001	Hải Phòng	Tai Mùi Họng	M	8,83	7,17	4,25	20,25
16	716202	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	28/01/2001	Đắk Lắk	Tai Mùi Họng	M	7,75	6,58	5,33	19,66
17	716225	Đặng Quỳnh	Phương	Nữ	07/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Tai Mùi Họng	M	7,17	7,42	4,42	19,01
18	716241	Tô Ngọc	Quyên	Nữ	12/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Tai Mùi Họng	M	8,25	6,17	4,5	18,92
19	716297	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	08/08/2001	Hà Nội	Tai Mùi Họng	M	8,67	6,17	4,08	18,92
20	716232	Trương Hoàng	Quân	Nam	19/02/2000	Đồng Nai	Tai Mùi Họng	M	7,17	6,5	4,33	18
21	716249	Lê Thành	Sum	Nam	20/11/2001	Gia Lai	Tai Mùi Họng	M	7,08	6,92	3,5	17,5
22	716199	Nguyễn Thanh	Nhi	Nữ	12/08/2001	Bình Phước	Tai Mùi Họng	M	7,67	6	3,83	17,5
23	716164	Nguyễn Phan Bảo	Ngà	Nữ	13/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Tai Mùi Họng	M	7	6,17	4,25	17,42
24	716068	Nguyễn Lam	Duy	Nam	21/02/2001	Đồng Tháp	Tai Mùi Họng	M	5,42	6,08	4,5	16
25	716019	Phan Thị Vân	Anh	Nữ	11/04/2000	Quảng Ngãi	Tai Mùi Họng	M	6,92	4,42	4,17	15,51
26	716197	Huỳnh Yên	Nhi	Nữ	01/11/2001	Tây Ninh	Tai Mùi Họng	M	5,83	5,5	4	15,33
27	716131	Hồng	Lê	Nữ	29/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Tai Mùi Họng	M	6,33	5	3,58	14,91
28	716313	Quảng Trương Nữ Huyền	Trần	Nữ	31/07/2001	Ninh Thuận	Tai Mùi Họng	M	4,25	5,75	4,25	14,25
29	716282	Ngô Phúc	Thịnh	Nam	11/05/2001	Long An	Tai Mùi Họng	M	6,25	4	3,67	13,92
30	716052	Đoàn Anh	Đức	Nam	25/04/2000	Thanh Hóa	Tai Mùi Họng	M	5	4,42	3,58	13
31	716329	Đỗ Quốc	Trung	Nam	21/12/2001	Phủ Thọ	Tai Mùi Họng	M	4,58	4,42	3,25	12,25
32	716121	Trần Lê Thiện	Khôi	Nam	30/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Tai Mùi Họng	M	4,75	3,58	3,25	11,58
33	716073	Lê Hương	Giang	Nữ	30/01/2001	Gia Lai	Tai Mùi Họng	M	0	0	0	0
34	716216	Huỳnh Tấn	Phú	Nam	30/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Tai Mùi Họng	M	0	0	0	0
1	716035	Lê Thị Linh	Chi	Nữ	15/11/2001	Đắk Lắk	Ung thư	M	9,25	8,5	8,42	26,17
2	716243	Phạm Mạnh	Quỳnh	Nam	15/10/2001	An Giang	Ung thư	M	9,5	8,5	8	26
3	716302	Từ Nhật	Tiến	Nam	07/10/2001	Cần Thơ	Ung thư	M	9,67	8,42	7,75	25,84

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
4	716010	Lê Hoàng Thiên	Ân	Nữ	18/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ung thư	M	9	8,5	8,17	25,67
5	716077	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	Nữ	19/09/2001	Gia Lai	Ung thư	M	9,25	8,67	7,75	25,67
6	716294	Phạm Hoài	Thương	Nam	02/04/2001	Bến Tre	Ung thư	M	8,92	8,42	8,08	25,42
7	716103	Dương Thị Bích	Huyền	Nữ	16/10/2001	Bắc Giang	Ung thư	M	9,33	8,33	7,67	25,33
8	716099	Nguyễn Đức	Huy	Nam	10/08/2001	Cà Mau	Ung thư	M	9	9,08	7,08	25,16
9	716323	Trần Thị Thùy	Trinh	Nữ	06/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Ung thư	M	8,5	8,67	7,83	25
10	716322	Nguyễn Thành	Trí	Nam	18/11/2001	Đồng Nai	Ung thư	M	8,42	8,08	8,42	24,92
11	716256	Hồ Đắc Nhật	Tân	Nam	18/08/2001	Tiền Giang	Ung thư	M	8,75	7,83	8,08	24,66
12	716184	Nguyễn Trà Hạnh	Nguyên	Nữ	01/01/2001	Bình Thuận	Ung thư	M	8,42	8,25	7,5	24,17
13	716203	Nguyễn Thị Bích	Như	Nữ	14/08/2001	Phú Yên	Ung thư	M	8,92	8,17	7	24,09
14	716311	Nguyễn Trần Bảo	Trần	Nữ	02/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ung thư	M	8,92	7,58	7,42	23,92
15	716133	Nguyễn Lê Phương	Linh	Nữ	24/10/2001	Bình Thuận	Ung thư	M	8,33	8,25	7	23,58
16	716122	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	11/11/2001	Đà Nẵng	Ung thư	M	8,42	7,67	7,08	23,17
17	716266	Hồ Văn	Thành	Nam	13/12/2001	Nghệ An	Ung thư	M	8,67	7,75	6,67	23,09
18	716220	Hồ Hữu	Phúc	Nam	02/05/2001	Bình Phước	Ung thư	M	7,83	7,58	6,17	21,58
19	716312	Quách Quế	Trần	Nữ	06/01/2001	Bạc Liêu	Ung thư	M	8,58	7,33	5,5	21,41
20	716264	Đặng Huỳnh Lâm	Thanh	Nữ	29/04/2001	Gia Lai	Ung thư	M	7,92	7,33	6,08	21,33
21	716173	Phạm Nguyễn Đông	Nghi	Nữ	05/10/2001	Đồng Nai	Ung thư	M	6,58	7,08	6,75	20,41
22	716340	Danh Thành	Tươi	Nam	09/08/2000	Kiên Giang	Ung thư	M	8,08	6,33	7,08	21,49
23	716170	Phạm Hồ Hoàng	Ngân	Nữ	16/03/2000	Quảng Nam	Ung thư	M	7,92	5,83	5,83	19,58
24	716070	Trần Thị Mỹ	Duyên	Nữ	20/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ung thư	M	7	7,08	4,58	18,66
25	716209	Lê Thị Hoàng	Oanh	Nữ	16/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ung thư	M	6,5	6,67	4,67	17,84
26	716198	Nguyễn Hồ Yên	Nhi	Nữ	25/11/1999	TP. Hồ Chí Minh	Ung thư	M	6,17	6,67	4,83	17,67
27	716215	Châu Thiên	Phú	Nam	15/08/2000	Bạc Liêu	Ung thư	M	6,67	6,58	4,17	17,42
28	716154	Trần Phú	Mỹ	Nữ	20/09/2001	Kiên Giang	Ung thư	M	6,08	5,42	5,5	17
29	716072	Hà Hoàng	Giang	Nam	16/05/2001	Đắk Lắk	Ung thư	M	7,17	5,75	4	16,92
30	716351	Lê Tiến	Vũ	Nam	19/08/2001	Bình Định	Ung thư	M	6,33	6,17	3,83	16,33
31	716355	Nguyễn Thị Ái	Vy	Nữ	1/6/2001	Bình Định	Ung thư	M	5,75	5,75	4,5	16
32	716007	Phan Quang	An	Nam	22/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ung thư	M	6,08	6,25	3,17	15,5
33	716349	Đào Nguyễn Nguyên	Vũ	Nam	29/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ung thư	M	5,58	4,75	4,42	14,75
34	716094	Đinh Thị Thu	Hương	Nữ	04/09/2000	Đắk Lắk	Ung thư	M	5,25	5,67	3,08	14
35	716280	Lê Long	Thịnh	Nam	29/09/2000	An Giang	Ung thư	M	4,33	4,67	3,25	12,25
36	716085	Trần Thị Nguyên	Hiếu	Nữ	14/09/2001	Đà Nẵng	Ung thư	M	6,5	4,5	0	11
37	716295	Hồ Thị	Thủy	Nữ	08/12/2001	Đà Nẵng	Ung thư	M	0	0	0	0
38	716346	Phan Thị Thảo	Vân	Nữ	24/5/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Ung thư	M	0	0	0	0

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
39	716006	Nguyễn Trường	An	Nam	15/03/2002	Nam Định	Ung thư	M	0	0	0	0
40	716277	Phạm Thị Thanh	Thiên	Nữ	20/06/2001	Hà Tĩnh	Ung thư	0	0	0	0	0
1	717352	Phan Thị Quỳnh	Trang	Nữ	16/10/2001	Đắk Lắk	Da liễu	M	8,92	7,92	7,5	24,34
2	717143	Phan Anh	Khoa	Nam	27/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Da liễu	M	8,67	8	7,5	24,17
3	717118	Nguyễn Hữu	Huy	Nam	27/11/2001	Đà Nẵng	Da liễu	M	8,92	7,58	7,42	23,92
4	717295	Phạm Võ Mộc	Thanh	Nam	23/02/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Da liễu	M	8,5	7,17	7,5	23,17
5	717237	Đỗ Thị Ngọc	Nhi	Nữ	06/12/2001	Quảng Ngãi	Da liễu	M	8,92	7,17	6,92	23,01
6	717047	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	16/12/2001	Tiền Giang	Da liễu	M	8,75	7,25	6,83	22,83
7	717242	Nguyễn Trịnh Tiểu	Nhiên	Nữ	19/08/2001	Quảng Ngãi	Da liễu	M	8,33	7,58	6,5	22,41
8	717078	Phùng Lê Khánh	Hà	Nữ	01/11/2001	Bình Phước	Da liễu	M	7,58	7,17	7,17	21,92
9	717218	Lê Minh	Ngọc	Nữ	01/08/2001	Thừa Thiên Huế	Da liễu	M	8,83	6,75	6,58	22,16
10	717013	Phạm Phùng Nhật	Anh	Nữ	16/08/2001	Bến Tre	Da liễu	M	8,75	6,42	6,75	21,92
11	717278	Nguyễn Phương	Quỳnh	Nữ	25/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Da liễu	M	8,92	6,92	6,08	21,92
12	717136	Huỳnh Thị Vân	Khánh	Nữ	11/12/2001	Lâm Đồng	Da liễu	M	8,42	6,5	6,92	21,84
13	717199	Tiêu Bảo	Muội	Nữ	01/01/2000	Cà Mau	Da liễu	M	8,17	6,83	6	21
14	717383	Trương Chí	Vỹ	Nam	26/08/2001	Quảng Nam	Da liễu	6,75	8,17	5,83	5,42	19,42
15	717355	Lê	Triết	Nam	03/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Da liễu	M	6	5,83	5,67	17,5
16	717165	Lê Khánh	Linh	Nữ	15/02/2001	Gia Lai	Da liễu	M	7	4,92	5	16,92
17	717137	Nguyễn Bảo	Khánh	Nam	21/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Da liễu	M	6,75	5,92	4,17	16,84
18	717039	Nguyễn Thị Phương	Chi	Nữ	03/04/2001	Thừa Thiên Huế	Da liễu	M	4,92	6,42	5	16,34
19	717223	Trần Thiện	Ngọc	Nam	02/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Da liễu	M	6,67	5,75	3,83	16,25
20	717035	Trần Phương	Châu	Nữ	14/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Da liễu	M	5,25	6	4,33	15,58
21	717232	Trần Hữu	Nhân	Nam	6/3/2001	Lâm Đồng	Da liễu	7	4,58	4,92	4,83	14,33
22	717224	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	01/01/2001	Quảng Ngãi	Da liễu	M	6	4,33	3,67	14
23	717331	Thái Thị Thủy	Tiên	Nữ	19/08/2001	Tiền Giang	Da liễu	M	0	0	0	0
24	717037	Dư Quỳnh	Chi	Nữ	02/08/2001	Nghệ An	Da liễu	M	0	0	0	0
1	717219	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	14/09/2001	Gia Lai	Gây mê hồi sức	M	8,75	7,92	8,08	24,75
2	717254	Bùi Hiệp	Phong	Nam	02/07/2001	Cần Thơ	Gây mê hồi sức	M	9	7,67	7,92	24,59
3	717112	Bùi Quang	Huy	Nam	26/11/2001	Bình Thuận	Gây mê hồi sức	M	9,25	7,75	7,33	24,33
4	717087	Vương Ngọc Minh	Hạnh	Nữ	05/01/2000	TP. Hồ Chí Minh	Gây mê hồi sức	M	8,92	7,58	7,58	24,08
5	717012	Nguyễn Thái Hoàng	Anh	Nam	31/07/2001	Tây Ninh	Gây mê hồi sức	M	9,42	7,25	7,33	24
6	717220	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngọc	Nữ	10/02/2001	Bến Tre	Gây mê hồi sức	M	8,83	7,5	7,42	23,75
7	717049	Phan Tiến	Đạt	Nam	14/11/2001	Cần Thơ	Gây mê hồi sức	M	8,92	7,58	7,17	23,67
8	717014	Phạm Quang	Anh	Nam	03/04/2001	Hà Nội	Gây mê hồi sức	M	8,83	7,17	7,17	23,17
9	717341	Lê Kim Bảo	Trâm	Nữ	13/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Gây mê hồi sức	M	8,67	7,33	7,08	23,08

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
10	717127	Châu Hoàng	Khang	Nam	21/06/2001	Vĩnh Long	Gây mê hồi sức	M	8,83	7,25	7	23,08
11	717272	Ngô Trung	Quốc	Nam	17/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Gây mê hồi sức	M	8,5	7,75	6,75	23
12	717190	Lê Nguyễn Uyên	Minh	Nữ	03/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Gây mê hồi sức	M	8,58	7,83	6,5	22,91
13	717286	Nguyễn Phan Bảo	Tâm	Nữ	09/11/2001	Bình Định	Gây mê hồi sức	M	8,92	7,58	5,83	22,33
14	717388	Phạm Hoàng	Yến	Nữ	15/09/2001	Đồng Tháp	Gây mê hồi sức	M	8	7,25	6,75	22
15	717110	Nguyễn Thị Hoài	Hương	Nữ	23/10/2001	Lâm Đồng	Gây mê hồi sức	M	8,17	7,17	6,42	21,76
16	717061	Lê Phương Hải	Dương	Nam	11/09/2001	Đồng Tháp	Gây mê hồi sức	M	8,75	7,17	5,83	21,75
17	717350	Huỳnh Lê Phương	Trang	Nữ	02/10/2001	Bình Định	Gây mê hồi sức	M	8,25	7	6,33	21,58
18	717337	Võ Thành	Tô	Nam	11/08/2001	Quảng Ngãi	Gây mê hồi sức	M	8,92	6,83	7,67	23,42
19	717329	Lê Phạm Thủy	Tiên	Nữ	15/10/2001	Bình Định	Gây mê hồi sức	M	8,67	6,67	6,83	22,17
20	717097	Tạ Minh	Hiếu	Nam	13/04/2001	Bắc Giang	Gây mê hồi sức	M	7,67	6,92	7,08	21,67
21	717338	Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	17/04/2001	Trà Vinh	Gây mê hồi sức	9	8,83	6,58	6,25	21,66
22	717020	Lai Thiên	Bằng	Nam	17/01/2001	Tiền Giang	Gây mê hồi sức	M	8	6,67	6,17	20,84
23	717160	Đồng Lưu Hồng	Lam	Nữ	12/10/2000	Ninh Thuận	Gây mê hồi sức	M	7,67	6,33	6,5	20,5
24	717301	Huỳnh Hồ Thanh	Thảo	Nữ	09/12/2001	An Giang	Gây mê hồi sức	M	7,33	6,5	6,5	20,33
25	717156	Phan Hoàng Thiên	Kim	Nữ	08/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Gây mê hồi sức	M	7,67	6,58	5,92	20,17
26	717070	Trần Vĩnh	Duy	Nam	15/06/2001	Cần Thơ	Gây mê hồi sức	M	7,58	6,5	6	20,08
27	717349	Văn Thị Thanh	Trần	Nữ	07/04/2001	An Giang	Gây mê hồi sức	M	7,17	6,58	5,67	19,42
28	717379	Lâm Tường	Vy	Nữ	24/06/2001	Cà Mau	Gây mê hồi sức	M	7,83	5,5	6	19,33
29	717180	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	15/05/2001	Tây Ninh	Gây mê hồi sức	M	7,17	5,42	6,67	19,26
30	717055	Nguyễn Minh	Đức	Nam	17/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Gây mê hồi sức	M	7,83	5,92	5,33	19,08
31	717076	Nguyễn Phương	Giao	Nữ	01/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Gây mê hồi sức	M	7,75	5,58	5,17	18,5
32	717348	Trần Nguyễn Quế	Trần	Nữ	30/08/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Gây mê hồi sức	M	6,83	6,17	5,42	18,42
33	717305	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	03/04/2000	Quảng Bình	Gây mê hồi sức	M	7,42	5,17	4,83	17,42
34	717322	Phùng Thân	Thương	Nam	01/04/2001	Quảng Ngãi	Gây mê hồi sức	M	5,25	5,83	5,17	16,25
35	717262	Bùi Thị Mỹ	Phương	Nữ	03/12/2001	Kon Tum	Gây mê hồi sức	M	6,25	5,33	4,5	16,08
36	717161	Nguyễn Trường	Lâm	Nam	26/03/2001	Bình Định	Gây mê hồi sức	6,75	4,33	5,75	5,33	15,41
37	717300	Trần Ngọc Hoàng	Thành	Nam	30/11/2001	Lâm Đồng	Gây mê hồi sức	M	4,92	5,17	4,83	14,92
38	717181	Phan Thị Trúc	Mai	Nữ	02/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Gây mê hồi sức	M	5,17	4,25	5,25	14,67
39	717244	Võ Thị Quỳnh	Như	Nữ	10/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Gây mê hồi sức	M	3,17	5,58	4,67	13,42
40	717259	Nguyễn Trịnh Hoàng	Phúc	Nam	10/11/2000	Khánh Hòa	Gây mê hồi sức	M	4,83	3,92	4,5	13,25
1	717067	Phạm Huỳnh Khánh	Duy	Nam	22/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu	M	9,08	7,5	7,58	24,16
2	717030	Lê Tấn	Cầm	Nam	22/01/2001	Bình Định	Hồi sức cấp cứu	M	8,58	8,33	6,83	23,74
3	717023	Nguyễn Hồng	Bảo	Nam	24/12/2001	Tiền Giang	Hồi sức cấp cứu	M	8,75	7,17	7,58	23,5
4	717234	Trịnh Hoài	Nhân	Nam	28/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu	M	8,58	7,92	6,58	23,08

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
5	717041	Tạ Minh	Cơ	Nam	23/01/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu	M	8,75	7	7,17	22,92
6	717063	Huỳnh Hải	Duy	Nam	28/11/2001	Cà Mau	Hồi sức cấp cứu	M	8,75	7,5	6,42	22,67
7	717106	Huỳnh Cẩm	Hồng	Nữ	20/08/2001	Vĩnh Long	Hồi sức cấp cứu	M	8	7,92	6,42	22,34
8	717176	Phan Văn Tấn	Luân	Nam	02/01/2001	Đồng Tháp	Hồi sức cấp cứu	M	8,25	7,25	6,25	21,75
9	717107	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	Nữ	04/10/2001	Lâm Đồng	Hồi sức cấp cứu	M	7,67	7,5	6,33	21,5
10	717029	Nguyễn Sỹ Duy	Bình	Nam	03/02/2001	Đồng Nai	Hồi sức cấp cứu	M	7,58	7,08	6,58	21,24
11	717324	Huỳnh Phạm Thanh	Thuỷ	Nữ	25/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu	M	8,17	7,08	5,92	21,17
12	717128	Nguyễn Thiện	Khang	Nam	21/05/2001	Bình Thuận	Hồi sức cấp cứu	M	8,42	6,67	6,42	21,51
13	717125	Phan Ngọc Khánh	Huyền	Nữ	07/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu	M	7,75	6,75	6,17	20,67
14	717306	Trần Hữu Phú	Thịnh	Nam	27/02/2000	Cần Thơ	Hồi sức cấp cứu	M	6,83	6	6,33	19,16
15	717273	Nguyễn Đình	Quốc	Nam	13/08/2001	Lâm Đồng	Hồi sức cấp cứu	M	8,08	5,83	5,25	19,16
16	717117	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	28/08/2001	Đồng Tháp	Hồi sức cấp cứu	M	6,92	6,33	5,83	19,08
17	717183	Lê Minh	Mẫn	Nam	19/10/2001	Đồng Tháp	Hồi sức cấp cứu	M	6,75	6,25	5,83	18,83
18	717264	Nguyễn Hoàng	Phương	Nữ	22/01/1999	Quảng Nam	Hồi sức cấp cứu	M	6,58	6,08	5,92	18,58
19	717168	Nguyễn Ngọc Thảo	Linh	Nữ	03/01/2001	Kiên Giang	Hồi sức cấp cứu	M	5,42	5,83	6,25	17,5
20	717196	Trương Hoàng Nhật	Minh	Nam	26/05/2001	Cần Thơ	Hồi sức cấp cứu	M	7,67	5,67	3,92	17,26
21	717198	Trần Hoài	Mộng	Nữ	10/06/2001	Kiên Giang	Hồi sức cấp cứu	M	6,92	5,67	4,42	17,01
22	717177	Nguyễn Đình Minh	Lực	Nam	11/06/2001	Kiên Giang	Hồi sức cấp cứu	M	5,08	6,42	5,08	16,58
23	717130	Tổng Tịnh	Khang	Nam	17/05/2001	Cần Thơ	Hồi sức cấp cứu	4,17	6,5	5,25	4,83	16,58
24	717174	Hoàng Văn	Lộc	Nam	15/11/2001	Gia Lai	Hồi sức cấp cứu	M	4,5	4,58	4,92	14
25	717062	Đoàn Hoàng	Duy	Nam	27/08/2001	Long An	Hồi sức cấp cứu	M	3,25	3,58	3,58	10,41
26	717276	Bùi Tú	Quỳnh	Nữ	02/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hồi sức cấp cứu	M	0	0	0	0
1	717099	Hồ Nguyễn Nhật	Hồ	Nam	02/05/2001	Long An	Huyết học - Truyền máu	M	7,83	7,92	8,5	24,25
2	717269	Hoàng Minh	Quang	Nam	26/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	M	8,75	7,75	6,92	23,42
3	717267	Trần Võ Toàn	Phương	Nữ	17/12/2001	Đồng Tháp	Huyết học - Truyền máu	M	8,92	7,33	6	22,25
4	717268	Triệu Phan Thế	Phương	Nam	09/07/2001	Đắk Lắk	Huyết học - Truyền máu	M	9	6,5	6,5	22
5	717126	Nguyễn Diễm	Huỳnh	Nữ	13/10/2001	Cà Mau	Huyết học - Truyền máu	M	8,33	6,75	6,5	21,58
6	717194	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	24/03/2001	Phú Yên	Huyết học - Truyền máu	M	7,58	6,92	5,67	20,17
7	717364	Phòng Lê Cẩm	Tú	Nữ	15/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	M	7,25	6,5	6,08	19,83
8	717101	Trần Ngọc Khải	Hoàn	Nữ	12/09/2001	Bình Phước	Huyết học - Truyền máu	M	7,42	6,5	5,75	19,67
9	717297	Trần Nguyễn Ngọc	Thanh	Nữ	01/01/2001	Vĩnh Long	Huyết học - Truyền máu	M	7,17	6,33	6	19,5
10	717266	Phạm Ngọc Nam	Phương	Nữ	12/06/2000	Vĩnh Long	Huyết học - Truyền máu	M	7,42	5,83	6,17	19,42
11	717001	Nguyễn Trần Bảo	An	Nữ	24/09/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Huyết học - Truyền máu	M	6,58	5,5	4,5	16,58
12	717275	Nguyễn Quảng	Quyên	Nữ	05/01/2000	Ninh Thuận	Huyết học - Truyền máu	M	5,83	4,5	5,17	15,5
13	717058	Bùi Võ Kiều	Dung	Nữ	27/01/1999	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	M	3,83	4,75	5,17	13,75

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyện vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
14	717144	Trần Đăng	Khoa	Nam	09/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Huyết học - Truyền máu	M	0	0	0	0
1	717289	Trần Đình	Tân	Nam	29/09/2001	Nghệ An	Lao	M	5,83	5,75	4,42	16
2	717293	Nguyễn Minh	Thanh	Nữ	06/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Lao	M	4,92	4,92	4,33	14,17
3	717317	Trần Minh	Thư	Nữ	19/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Lao	M	0	0	0	0
1	717102	Đặng Viết	Hoàng	Nam	10/09/2001	Gia Lai	Lão khoa	M	9,42	8,42	7,75	25,59
2	717382	Trang Thiên Ngọc	Vy	Nữ	06/10/2001	Bình Dương	Lão khoa	M	9,25	8,08	7,67	25
3	717044	Hoàng Quốc	Đạt	Nam	25/06/2001	Gia Lai	Lão khoa	M	9,25	8,42	7,25	24,92
4	717005	Trần Thanh	An	Nữ	25/10/2001	Lâm Đồng	Lão khoa	M	9,5	7,75	7,25	24,5
5	717368	Lê Minh	Tuệ	Nam	08/02/2001	Đồng Nai	Lão khoa	M	9,25	8	7,17	24,42
6	717141	Trần Lê Kim	Khánh	Nữ	24/02/2001	Đồng Tháp	Lão khoa	M	9,08	7,58	7,33	23,99
7	717274	Phạm Phú	Quốc	Nam	12/08/2001	Gia Lai	Lão khoa	M	8	7,83	8	23,83
8	717320	Trần Vĩnh	Thuận	Nam	28/07/2001	An Giang	Lão khoa	M	9,17	7	7,5	23,67
9	717294	Phạm Huỳnh	Thanh	Nam	30/01/2001	An Giang	Lão khoa	M	8,58	7,42	6,75	22,75
10	717265	Phạm Mỹ	Phương	Nữ	25/02/2001	Đà Nẵng	Lão khoa	M	8,75	7,08	6,08	21,91
11	717094	Phan Ngọc Hải	Hiền	Nữ	07/11/2001	Phú Yên	Lão khoa	M	8,33	6,83	7	22,16
12	717051	Nguyễn Lê Hồng	Diệp	Nữ	17/07/2001	Quảng Ngãi	Lão khoa	M	8,08	6,67	7,33	22,08
13	717360	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24/11/2001	Bến Tre	Lão khoa	M	8,33	6,67	6,83	21,83
14	717182	Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	25/11/1999	Hà Nam	Lão khoa	M	7,83	6,83	6,58	21,24
15	717186	Hà Bảo	Minh	Nam	17/05/2001	Đồng Tháp	Lão khoa	M	8,25	6,25	6,58	21,08
16	717191	Lê Thành Nam Hải	Minh	Nam	10/09/2001	Đồng Tháp	Lão khoa	M	8,08	6,17	6,5	20,75
17	717260	Vưu Kim	Phụng	Nữ	29/11/2001	Lâm Đồng	Lão khoa	M	8,25	6,5	5,92	20,67
18	717167	Nguyễn Hoàng Diệu	Linh	Nữ	12/04/2001	Kon Tum	Lão khoa	M	7,58	6,75	6,17	20,5
19	717308	Nguyễn Tuấn	Thọ	Nam	12/06/2001	Gia Lai	Lão khoa	M	8,08	6,5	5,25	19,83
20	717380	Nguyễn Ngọc	Vy	Nữ	01/10/2001	An Giang	Lão khoa	M	7,5	6,42	5,83	19,75
21	717201	Lê Trần Kiều	My	Nữ	14/04/2001	Khánh Hòa	Lão khoa	M	8	6,08	5,42	19,5
22	717247	Nguyễn Quang	Nhật	Nam	15/11/2001	Cần Thơ	Lão khoa	M	7	6,75	5,67	19,42
23	717212	Nguyễn Lê Gia	Nghi	Nữ	11/10/2001	Cần Thơ	Lão khoa	M	7	6,67	5,5	19,17
24	717088	Nguyễn Anh	Hào	Nam	30/09/2000	Vĩnh Long	Lão khoa	M	7,58	5,83	5,67	19,08
25	717217	Nguyễn Thị Hoài	Ngoan	Nữ	02/02/2001	Gia Lai	Lão khoa	M	7	5,92	5,83	18,75
26	717261	Phan Hữu	Phước	Nam	21/01/2001	Bến Tre	Lão khoa	M	8,08	5,83	4,83	18,74
27	717211	Nguyễn Hải	Nghi	Nữ	08/01/2001	Bạc Liêu	Lão khoa	M	6,75	5,92	5,92	18,59
28	717179	Lê Thanh	Mai	Nữ	15/11/2000	Cà Mau	Lão khoa	M	6,08	6,17	5,67	17,92
29	717017	Trương Minh	Anh	Nam	21/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Lão khoa	M	6,08	5,92	5,67	17,67
30	717048	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	18/07/2001	Tiền Giang	Lão khoa	M	6,67	5,25	5,5	17,42
31	717150	Nguyễn An	Khuong	Nam	15/07/2001	An Giang	Lão khoa	M	6,67	5,75	4,33	16,75

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyện vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
32	717073	Trần Thị Cẩm	Duyên	Nữ	29/01/2001	Hậu Giang	Lão khoa	M	5,92	4,75	3,67	14,34
33	717282	Hoàng Lê Xuân	Sinh	Nam	24/10/2001	Khánh Hòa	Lão khoa	M	4,75	5,58	3,83	14,16
1	717343	Trần Ngọc	Trâm	Nữ	28/11/2001	An Giang	Nhi khoa	M	9,08	8,25	7,92	25,25
2	717200	Đặng Thị Trà	My	Nữ	13/10/2001	Quảng Nam	Nhi khoa	M	9,42	7,67	7,92	25,01
3	717385	Nguyễn Quốc Y	Ý	Nam	11/02/2001	Gia Lai	Nhi khoa	M	8,83	7,58	8,25	24,66
4	717304	Trần Thanh	Thiện	Nữ	05/07/2001	Bình Thuận	Nhi khoa	M	9,25	7,5	7,83	24,58
5	717034	Lê Nguyễn Bảo	Châu	Nữ	03/11/2001	Khánh Hòa	Nhi khoa	M	8,42	8,17	7,83	24,42
6	717153	Lương Tuấn	Kiệt	Nam	03/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	M	9,17	7,83	7,42	24,42
7	717284	Phạm Tấn	Tài	Nam	11/07/2000	Tiền Giang	Nhi khoa	M	9	7,75	7,58	24,33
8	717374	Phạm Thị Trang	Uyên	Nữ	14/07/2001	Bình Phước	Nhi khoa	M	9,08	7,58	7,67	24,33
9	717280	Tạ Đỗ Diễm	Quỳnh	Nữ	25/09/2001	Nam Định	Nhi khoa	M	9,25	7,17	7,83	24,25
10	717213	Nguyễn Phạm Hoàng	Nghi	Nữ	10/07/2001	An Giang	Nhi khoa	M	8,83	7,58	7,67	24,08
11	717015	Trần Minh	Anh	Nữ	20/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	M	8,67	7,42	7,83	23,92
12	717375	Tăng Thúy	Uyên	Nữ	15/09/2000	Trà Vinh	Nhi khoa	M	8,5	7,75	7,58	23,83
13	717138	Nguyễn Chí	Khánh	Nam	19/12/2001	Bạc Liêu	Nhi khoa	M	8,75	7,83	7,25	23,83
14	717142	Trần Duy	Khiêm	Nam	11/10/2001	Tây Ninh	Nhi khoa	M	8,58	7,5	7,67	23,75
15	717229	Hồ Thiện	Nhân	Nam	01/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	M	9,08	7,5	7,17	23,75
16	717166	Lê Khánh	Linh	Nữ	10/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	M	8,92	6,67	8,08	23,67
17	717251	Hồ Tấn	Phát	Nam	14/09/2001	Đắk Lắk	Nhi khoa	M	8,83	7,25	7,58	23,66
18	717121	Trần Ngọc Bảo	Huy	Nam	07/05/2001	Bạc Liêu	Nhi khoa	M	9,25	7,25	7,08	23,58
19	717238	Huỳnh Trần Linh	Nhi	Nữ	09/08/2001	Sóc Trăng	Nhi khoa	M	8,42	6,83	7,33	22,58
20	717369	Võ Mạnh	Tùng	Nam	03/01/2001	Quảng Ngãi	Nhi khoa	M	7,58	7,5	7	22,08
21	717336	Bùi Đỗ Ngọc	Tinh	Nam	06/08/2001	Bình Thuận	Nhi khoa	M	7,08	6,08	7	20,16
22	717353	Đặng Cao	Trí	Nam	08/06/2001	Lâm Đồng	Nhi khoa	M	9,58	7,58	6,83	23,99
23	717252	Huỳnh Văn	Phát	Nam	19/05/2001	Tây Ninh	Nhi khoa	M	9	7,25	6,67	22,92
24	717310	Huỳnh Thị Xuân	Thu	Nữ	11/10/2001	Bình Thuận	Nhi khoa	M	9,42	6,92	6,08	22,42
25	717240	Trương Lê Bảo	Nhi	Nữ	22/08/2001	Quảng Nam	Nhi khoa	M	8,5	7	6,83	22,33
26	717098	Nguyễn Gia	Hiệu	Nam	10/09/1999	Bình Định	Nhi khoa	M	8,75	7,5	6	22,25
27	717108	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	04/10/2000	Gia Lai	Nhi khoa	M	8,5	7	6,42	21,92
28	717016	Trần Ngọc Vân	Anh	Nữ	03/11/2000	Đồng Nai	Nhi khoa	M	7,75	6,92	6,58	21,25
29	717114	Lưu Gia	Huy	Nam	31/03/2001	Tiền Giang	Nhi khoa	M	8,33	6,42	6,17	20,92
30	717321	Trần Lê Hạnh	Thục	Nữ	14/07/2001	Quảng Trị	Nhi khoa	M	7,42	6,58	6,67	20,67
31	717124	Hồ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	25/04/2000	Đồng Nai	Nhi khoa	M	7,25	7,08	6,33	20,66
32	717018	Vũ Hoàng	Anh	Nam	28/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	M	7,92	6,17	6,5	20,59
33	717361	Lương Xuân	Trưởng	Nam	26/10/2000	Đắk Nông	Nhi khoa	M	7,08	7	6	20,08

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyện vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
34	717288	Phạm Duy	Tân	Nam	31/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	M	7,17	6,75	5,92	19,84
35	717079	Đinh Thế	Hải	Nam	23/03/2001	Vĩnh Long	Nhi khoa	M	8,33	5,42	6,08	19,83
36	717151	Nguyễn Văn	Khuyến	Nam	18/08/2001	Bến Tre	Nhi khoa	M	7,5	6,58	5,67	19,75
37	717314	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23/01/2001	Cần Thơ	Nhi khoa	M	7,92	5,33	6	19,25
38	717111	Phạm Ngọc Lan	Hương	Nữ	30/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	M	7,17	6,17	5,42	18,76
39	717239	Nguyễn Trà Uyên	Nhi	Nữ	26/09/2001	Quảng Ngãi	Nhi khoa	M	7,92	6	4,67	18,59
40	717083	Võ Thị Thu	Hân	Nữ	15/11/2001	Bạc Liêu	Nhi khoa	M	7,67	5,67	5,08	18,42
41	717204	Trần Thị Diễm	My	Nữ	14/04/2001	Kiên Giang	Nhi khoa	M	7,17	5,92	5	18,09
42	717134	Nguyễn Thị Tú	Khanh	Nữ	30/11/2000	Bình Thuận	Nhi khoa	M	6,25	6,33	5,33	17,91
43	717059	Trần Thị Thùy	Dung	Nữ	13/08/2001	Bình Dương	Nhi khoa	M	6,5	5,58	5,83	17,91
44	717387	Trần Thụy Ngọc Như	Ý	Nữ	06/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	M	5,42	5,83	6,17	17,42
45	717249	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	03/10/2001	Lâm Đồng	Nhi khoa	M	6,75	5,67	5	17,42
46	717228	Bùi Trọng	Nhân	Nam	25/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	M	6,33	6,25	4,83	17,41
47	717386	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	19/03/2001	Cần Thơ	Nhi khoa	M	5,58	5,92	5,67	17,17
48	717231	Nguyễn Thanh	Nhân	Nam	21/09/2001	Cà Mau	Nhi khoa	M	5	6,08	6,08	17,16
49	717384	Lê Ngọc Như	Ý	Nữ	27/07/2001	An Giang	Nhi khoa	M	6,33	5,67	5	17
50	717089	Bùi Đức	Hậu	Nam	21/04/2001	Đắk Lắk	Nhi khoa	M	6,25	5,33	5,33	16,91
51	717208	Trần Ngọc	Ngân	Nữ	29/03/2001	Bạc Liêu	Nhi khoa	M	6,58	4,83	5,25	16,66
52	717258	Hồ Thị Kiều	Phúc	Nữ	19/05/2001	Đắk Nông	Nhi khoa	M	5,83	5,33	5,17	16,33
53	717344	Võ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	23/09/2001	Trà Vinh	Nhi khoa	M	5,92	4,83	4,92	15,67
54	717209	Trần Ngọc Mỹ	Ngân	Nữ	20/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	M	5,17	4,67	5,58	15,42
55	717123	Đinh Thị	Huyền	Nữ	22/06/1999	Thanh Hóa	Nhi khoa	M	5,58	5	4,42	15
56	717243	Phan Trần Yến	Như	Nữ	16/05/2000	Đồng Nai	Nhi khoa	M	5,42	3,58	4,25	13,25
57	717327	Trần Thị Thu	Thùy	Nữ	24/07/2000	Đồng Nai	Nhi khoa	M	4,5	4,08	4,42	13
58	717184	Dương Minh	Minh	Nữ	08/12/2000	Phú Yên	Nhi khoa	M	3,83	4,42	4,58	12,83
59	717010	Lê Hoàng	Anh	Nữ	03/01/2001	Bình Phước	Nhi khoa	M	6,83	5,83	0	12,66
60	717077	Đinh Thị Ngọc	Hà	Nữ	18/09/2000	Đà Nẵng	Nhi khoa	M	4,67	4	3,33	12
61	717172	Vũ Bá	Linh	Nam	21/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nhi khoa	M	0	0	0	0
62	717216	Phạm Thị	Nghĩa	Nữ	17/01/2001	Bến Tre	Nhi khoa	M	0	0	0	0
1	717056	Võ Xuân	Đức	Nam	01/05/2001	Bình Thuận	Nội khoa	M	9,42	8,42	8,67	26,51
2	717152	Nguyễn Viết	Kiên	Nam	18/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	M	9,42	8,25	8,33	26
3	717233	Trần Văn	Nhân	Nam	26/03/2000	Quảng Nam	Nội khoa	M	9,42	8	8,25	25,67
4	717347	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	Nữ	21/01/2001	Vĩnh Long	Nội khoa	M	9,17	7,92	8,08	25,17
5	717163	Huỳnh Bảo	Lân	Nam	26/03/2001	Bến Tre	Nội khoa	M	9,58	8	7,42	25
6	717135	Dương Quốc	Khánh	Nam	30/08/2001	Bình Định	Nội khoa	M	9,17	7,67	7,83	24,67

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyện vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
7	717031	Nguyễn Thị Tiểu	Cầm	Nữ	13/10/2000	Tây Ninh	Nội khoa	M	8,83	8	7,58	24,41
8	717159	Lê Cao	Kỳ	Nam	12/03/2001	Kiên Giang	Nội khoa	M	9,17	7,75	7,42	24,34
9	717090	Nguyễn Phúc	Hậu	Nam	08/11/2001	Tây Ninh	Nội khoa	M	9,08	7,5	7,75	24,33
10	717299	Phan Việt	Thành	Nam	27/01/2001	Bình Thuận	Nội khoa	M	8,92	7,58	7,75	24,25
11	717027	Bùi Khánh	Bình	Nam	09/12/2001	Khánh Hòa	Nội khoa	M	9,42	7,83	7	24,25
12	717115	Lưu Quốc	Huy	Nam	23/07/2001	Tiền Giang	Nội khoa	M	9,5	7,5	7,17	24,17
13	717205	Đỗ Nhật	Nam	Nam	19/12/2001	Đồng Nai	Nội khoa	M	9,08	7,5	7,5	24,08
14	717045	Lê Tấn	Đạt	Nam	04/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	M	9,17	7,75	7	23,92
15	717185	Dương Nhật	Minh	Nam	30/09/2001	An Giang	Nội khoa	M	8,67	7,58	7,42	23,67
16	717033	Huỳnh Phước	Châu	Nữ	14/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	M	8,42	7,33	7,83	23,58
17	717367	Ngô Đắc	Tuấn	Nam	08/03/2001	Cần Thơ	Nội khoa	M	8,92	7,67	6,92	23,51
18	717378	Nguyễn Trần Anh	Vũ	Nam	28/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	M	9,33	7,67	6,5	23,5
19	717283	Võ Thanh	Son	Nam	26/06/2001	Cà Mau	Nội khoa	M	9,17	7,42	6,83	23,42
20	717129	Phùng Nguyễn Duy	Khang	Nam	10/02/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nội khoa	M	8,92	7,75	6,67	23,34
21	717202	Nguyễn Huỳnh Kiều	My	Nữ	12/09/2001	Cà Mau	Nội khoa	M	8,58	7,92	6,58	23,08
22	717214	Nguyễn Trần Trúc	Nghi	Nữ	15/11/2001	Kiên Giang	Nội khoa	M	8,75	7,25	7,08	23,08
23	717192	Lê Viết	Minh	Nam	10/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	M	8,75	7,75	6,42	22,92
24	717046	Ngô Chí	Đạt	Nam	16/02/2001	Cần Thơ	Nội khoa	M	8,75	7,17	6,83	22,75
25	717008	Hồ Thúc Phương	Anh	Nữ	25/04/2001	Khánh Hòa	Nội khoa	M	8,25	7	7,08	22,33
26	717009	Lê	Anh	Nữ	28/03/2000	Tây Ninh	Nội khoa	M	8,58	7,25	6,33	22,16
27	717312	Dương Anh	Thư	Nữ	14/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	M	7,83	7,17	7	22
28	717362	Vạn Việt	Trường	Nam	01/11/2001	Ninh Thuận	Nội khoa	M	8,25	7,08	6,67	22
29	717084	Danh Thị Diễm	Hằng	Nữ	08/12/2001	Kiên Giang	Nội khoa	M	8,58	7,17	6,17	21,92
30	717257	Nguyễn Hoàng Thiên	Phú	Nam	21/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	M	7,5	7,33	5,75	20,58
31	717366	Huỳnh Anh	Tuấn	Nam	21/09/2001	Tiền Giang	Nội khoa	M	6,58	7,25	6	19,83
32	717025	Trương Gia	Bảo	Nam	10/12/2001	An Giang	Nội khoa	M	7	7	5,83	19,83
33	717022	Lý Huỳnh Gia	Bảo	Nam	30/11/2001	Cà Mau	Nội khoa	M	6,67	7,08	5,92	19,67
34	717215	Huỳnh Bá	Nghĩa	Nam	13/06/2001	Quảng Nam	Nội khoa	M	8,92	6,83	6,67	22,42
35	717173	Đinh Nguyễn Kiều	Loan	Nữ	07/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	M	8,33	6,33	7,5	22,16
36	717303	Thái Trần Trung	Thiên	Nam	24/11/2001	Sóc Trăng	Nội khoa	M	7,75	6,92	7,42	22,09
37	717222	Trần Thị Minh	Ngọc	Nữ	14/08/2001	Lâm Đồng	Nội khoa	M	8,42	6,75	6,17	21,34
38	717043	Phạm Thị Ngọc	Đào	Nữ	04/03/2001	An Giang	Nội khoa	M	7,58	6,92	6,75	21,25
39	717359	Hồ Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	16/08/2001	Gia Lai	Nội khoa	M	8	6,42	6,83	21,25
40	717092	Đỗ Minh	Hiền	Nam	02/04/2001	An Giang	Nội khoa	M	8,08	6,92	6,08	21,08
41	717235	Trương Ngọc Trung	Nhân	Nam	19/04/2001	Bạc Liêu	Nội khoa	M	9,08	6	5,92	21

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyện vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
42	717065	Nguyễn Bảo	Duy	Nam	14/09/2001	Quảng Ngãi	Nội khoa	M	7,67	6,83	6,33	20,83
43	717227	Lâm Bửu	Nguyệt	Nữ	29/10/2001	Cần Thơ	Nội khoa	M	7,83	6,83	6,17	20,83
44	717095	Trần Nguyễn Thúy	Hiền	Nữ	21/06/2001	Bến Tre	Nội khoa	M	8,17	6,58	6	20,75
45	717287	Nguyễn Duy	Tân	Nam	08/02/2001	Bến Tre	Nội khoa	M	7,25	6,17	6,08	19,5
46	717358	Cao Vũ	Trọng	Nam	15/10/2001	Bến Tre	Nội khoa	M	6,75	6,17	6,42	19,34
47	717377	Hồ Văn	Viên	Nam	05/10/1992	Quảng Trị	Nội khoa	M	7,08	6,42	5,83	19,33
48	717292	Huỳnh Lan	Thanh	Nữ	19/10/2001	Tiền Giang	Nội khoa	M	7	6,58	5,42	19
49	717188	Lê Hoàng Ngọc	Minh	Nữ	21/09/2001	Quảng Ngãi	Nội khoa	M	7,08	6,5	5,33	18,91
50	717002	Phan Trọng	An	Nam	25/12/2001	Lâm Đồng	Nội khoa	M	7,33	6,5	5,08	18,91
51	717372	Lê Cao Phương	Uyên	Nữ	03/12/1997	Tây Ninh	Nội khoa	M	6,17	6,33	5,92	18,42
52	717104	Phạm Huy	Hoàng	Nam	13/06/2001	Đồng Nai	Nội khoa	M	6,58	6,08	5,75	18,41
53	717370	Ngô Ngọc	Tuyền	Nữ	19/10/2001	Khánh Hòa	Nội khoa	M	7,5	5,58	5,08	18,16
54	717081	Nguyễn Ngọc Quế	Hân	Nữ	08/01/2001	Tiền Giang	Nội khoa	M	7,5	5,5	5,08	18,08
55	717270	Nguyễn Vinh	Quang	Nam	27/07/2001	An Giang	Nội khoa	M	6,5	5,83	5,67	18
56	717169	Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	12/7/2000	Đắk Lắk	Nội khoa	M	7,33	5,33	5,17	17,83
57	717195	Tô Huỳnh Nhật	Minh	Nam	01/11/2000	Cần Thơ	Nội khoa	M	6,58	6	5,08	17,66
58	717086	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	07/11/2001	Tiền Giang	Nội khoa	M	6,75	5,83	4,83	17,41
59	717075	Bùi Nhật	Giang	Nữ	21/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	M	5,83	5,92	5,08	16,83
60	717340	Đỗ Hà Ngọc	Trâm	Nữ	1/10/2001	Bình Dương	Nội khoa	M	5,58	5,5	5,5	16,58
61	717376	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	02/05/2001	Khánh Hòa	Nội khoa	M	6,08	5,58	4,92	16,58
62	717245	Nguyễn Cẩm	Nhung	Nữ	08/03/2001	An Giang	Nội khoa	M	6,42	5,5	4,5	16,42
63	717096	Ngô Đăng Phước	Hiền	Nam	19/07/2001	Tiền Giang	Nội khoa	M	6,33	5,17	4,83	16,33
64	717066	Nguyễn Hồ Bảo	Duy	Nam	29/01/2001	Kiên Giang	Nội khoa	M	5,17	6,33	4,75	16,25
65	717250	Hồ Kiến	Phát	Nam	13/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	M	5,67	5,75	4,33	15,75
66	717263	Lâm Huệ	Phương	Nữ	06/10/2000	Trà Vinh	Nội khoa	M	5,5	5,42	4,67	15,59
67	717302	Huỳnh Trọng	Thật	Nam	21/11/2001	Kiên Giang	Nội khoa	M	4,83	4,92	5,58	15,33
68	717271	Nguyễn Vũ Nhật	Quang	Nam	12/10/2001	Ninh Thuận	Nội khoa	M	4,75	5,58	4,75	15,08
69	717335	Huỳnh Trung	Tính	Nam	25/05/2000	An Giang	Nội khoa	M	4,75	4,58	5,67	15
70	717074	Phan Phạm Kỳ	Duyên	Nữ	10/07/2001	Trà Vinh	Nội khoa	M	5,5	5,25	4,17	14,92
71	717357	Võ Đăng	Trình	Nam	11/06/2001	Sài Gòn	Nội khoa	M	4,75	4,92	4,17	13,84
72	717042	Lê Hoàng Hải	Đăng	Nam	05/09/2001	An Giang	Nội khoa	M	4,75	4,33	4	13,08
73	717309	Lê Trần Minh	Thoa	Nữ	02/06/2000	Bình Định	Nội khoa	M	4,75	4,42	3,83	13
74	717334	Trần Nguyễn Nhật	Tín	Nam	27/07/2001	Bình Thuận	Nội khoa	M	0	0	0	0
75	717072	Nguyễn Anh	Duyên	Nữ	10/01/2000	Nghệ An	Nội khoa	M	0	0	0	0
76	717103	Hà Vũ	Hoàng	Nam	03/12/2001	Bắc Kạn	Nội khoa	M	0	0	0	0

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
1	717007	Hồ Phương	Anh	Nam	14/01/2001	Bến Tre	Nội tiết	M	8,75	8	6,92	23,67
2	717175	Chung Thiên	Long	Nam	15/11/2001	An Giang	Nội tiết	M	8,58	7,58	6,83	22,99
3	717241	Võ Trần Tuyết	Nhi	Nữ	10/03/2001	Bạc Liêu	Nội tiết	M	8	7,33	7,17	22,5
4	717148	Tô Minh	Khôi	Nam	07/12/2001	Cà Mau	Nội tiết	M	8,5	7	6,67	22,17
5	717149	Ngô Mạnh	Khương	Nam	06/01/2001	Kiên Giang	Nội tiết	M	8,42	7	6,42	21,84
6	717281	Trương Nguyễn Thủy	Quỳnh	Nữ	15/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội tiết	M	8,42	6,92	6,42	21,76
7	717164	Vũ Ngọc Kỳ	Lân	Nữ	11/06/2001	Đồng Nai	Nội tiết	M	7,75	6,75	6,83	21,33
8	717082	Võ Ngọc Bảo	Hân	Nữ	14/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội tiết	M	7,92	6,58	6,67	21,17
9	717315	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	04/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội tiết	M	8,67	6,83	5,42	20,92
10	717120	Phạm Gia	Huy	Nam	20/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội tiết	M	8	6,58	6,33	20,91
11	717356	Bê Thị Thùy	Trình	Nữ	23/12/2001	Lâm Đồng	Nội tiết	M	8,17	6,5	5,58	20,25
12	717068	Trần Khánh	Duy	Nam	07/08/2001	Bạc Liêu	Nội tiết	M	7,42	6,17	6,08	19,67
13	717248	Nguyễn Đỗ Hoàng	Oanh	Nữ	20/01/2001	An Giang	Nội tiết	M	7,5	6,67	5,5	19,67
14	717158	Võ Thị Thiên	Kim	Nữ	13/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nội tiết	M	7,17	5,17	7	19,34
15	717116	Nguyễn Gia	Huy	Nam	30/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội tiết	M	7,92	6,08	5,17	19,17
16	717207	Nguyễn Hoàng	Ngân	Nữ	04/10/2001	Quảng Ngãi	Nội tiết	M	7,08	5,75	5,58	18,41
17	717319	Trần Thái	Thuận	Nam	24/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội tiết	M	6,83	6,42	5,08	18,33
18	717064	Nguyễn Bảo	Duy	Nam	21/01/2001	Bến Tre	Nội tiết	M	6,75	5,58	5,67	18
19	717157	Trần Hoàng	Kim	Nữ	09/11/2001	Sóc Trăng	Nội tiết	M	6,42	5,92	5,5	17,84
20	717351	Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	14/11/2000	Đắk Lắk	Nội tiết	M	5,17	5,75	5,25	16,17
21	717296	Phan Ngọc Thái	Thanh	Nữ	29/08/2001	Đà Nẵng	Nội tiết	M	6,17	5,42	4,58	16,17
22	717139	Nguyễn Gia	Khánh	Nam	06/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội tiết	M	5,67	5,67	4,67	16,01
23	717140	Nguyễn Mai Quốc	Khánh	Nam	02/09/2001	Bình Dương	Nội tiết	M	5,08	5,83	4,58	15,49
24	717146	Võ Anh	Khoa	Nam	22/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Nội tiết	M	0	0	0	0
25	717024	Trần Thiên	Bảo	Nam	20/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Nội tiết	M	0	0	0	0
26	717365	Vũ Thị Cẩm	Tú	Nữ	09/11/2001	Kiên Giang	Nội tiết	0	0	0	0	0
1	717028	Nguyễn Phú	Bình	Nam	09/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Phục hồi chức năng	M	9,17	8,33	8,25	25,75
2	717004	Trần Phúc	An	Nam	24/06/2001	Gia Lai	Phục hồi chức năng	M	8,33	7,5	6,08	21,91
3	717326	Trần Thị Nguyệt	Thủy	Nữ	24/10/2001	Đồng Tháp	Phục hồi chức năng	M	8,58	7	6,17	21,75
4	717053	Đặng Ngọc	Đức	Nam	26/11/2001	Bình Phước	Phục hồi chức năng	M	7,17	7,08	5,83	20,08
5	717113	Liêng Gia	Huy	Nam	14/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Phục hồi chức năng	M	7,58	6,92	6,08	20,58
6	717291	Y	Thắng	Nam	04/03/2001	Gia Lai	Phục hồi chức năng	M	8,58	6,17	5,17	19,92
7	717170	Nguyễn Thị Thủy	Linh	Nữ	08/07/2000	Lâm Đồng	Phục hồi chức năng	M	8,42	6,17	3,92	18,51
8	717381	Trần Hoàng Phương	Vy	Nữ	14/08/2001	Tây Ninh	Phục hồi chức năng	M	7,5	4,92	4,42	16,84
9	717069	Trần Lê Nhật	Duy	Nam	27/09/1999	Cà Mau	Phục hồi chức năng	M	5,25	5,83	5,08	16,16

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
10	717277	Huỳnh Ngọc Diễm	Quỳnh	Nữ	21/07/2001	Đắk Nông	Phục hồi chức năng	M	5,83	5,08	4,08	14,99
11	717021	Trương Quang	Bão	Nam	20/11/2001	Đắk Lắk	Phục hồi chức năng	M	5,42	5,08	4,25	14,75
12	717080	Võ Hoàng Long	Hải	Nam	07/04/2001	Khánh Hòa	Phục hồi chức năng	M	5,17	4,83	4,08	14,08
13	717256	Lê Ngọc	Phú	Nữ	17/02/2000	Khánh Hòa	Phục hồi chức năng	M	4,42	3,75	4	12,17
14	717100	Dương Võ Trọng	Hoài	Nam	18/12/2001	Phú Yên	Phục hồi chức năng	M	5,58	5,83	0	11,41
15	717187	Hồ Sỹ	Minh	Nam	19/03/2001	Đà Nẵng	Phục hồi chức năng	M	0	0	0	0
1	717210	Trương Thanh	Ngân	Nữ	14/08/2001	Bình Định	Tâm thần	M	8,75	7,25	7,17	23,17
2	717145	Trần Đăng	Khoa	Nam	22/07/2001	Cà Mau	Tâm thần	M	7,42	6,83	6,5	20,75
3	717226	Nguyễn Anh	Nguyên	Nam	04/04/2001	Đà Nẵng	Tâm thần	M	7,92	6,33	5,92	20,17
4	717071	Trương Khả	Duy	Nam	04/04/2001	An Giang	Tâm thần	M	7,5	6,33	5,92	19,75
5	717328	Huỳnh Thị Thủy	Tiên	Nữ	20/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Tâm thần	M	6,83	6,08	5,83	18,74
6	717036	Võ Ngọc Kim	Châu	Nữ	30/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Tâm thần	M	6,17	6	5,5	17,67
7	717246	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	10/10/2001	Tiền Giang	Tâm thần	M	5,83	6,08	4,42	16,33
1	717054	Lê Huỳnh	Đức	Nam	05/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Thần kinh	M	9,5	7,58	8	25,08
2	717105	Trần Huy	Hoàng	Nam	31/01/2001	An Giang	Thần kinh	M	9,08	8	7,83	24,91
3	717298	Đặng Hữu	Thành	Nam	05/10/2001	Vĩnh Long	Thần kinh	M	9,42	8,17	7,17	24,76
4	717003	Thạch Trường	An	Nam	27/07/2001	Trà Vinh	Thần kinh	M	9,25	7,92	7,5	24,67
5	717026	Phùng Thị	Bích	Nữ	22/11/2000	Lạng Sơn	Thần kinh	M	9,17	7,92	7,5	24,59
6	717197	Võ Lê Duy	Minh	Nam	03/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Thần kinh	M	9,08	8,33	7	24,41
7	717147	Mai Nguyên	Khôi	Nam	14/10/2001	Đồng Nai	Thần kinh	M	9	7,25	7,92	24,17
8	717318	Dương Thị Ý	Thư	Nữ	19/08/2000	Đà Nẵng	Thần kinh	M	9,17	7,42	7,58	24,17
9	717363	Lê Tuấn	Tú	Nam	26/02/2001	Bình Thuận	Thần kinh	M	9,25	7,75	7,08	24,08
10	717109	Lê Tân Hậu	Hưng	Nam	12/03/2001	Tây Ninh	Thần kinh	M	8,5	7,58	7,33	23,41
11	717230	Hồ Trọng	Nhân	Nam	14/12/2001	An Giang	Thần kinh	M	8,67	7,33	7,33	23,33
12	717132	Vũ Duy	Khang	Nam	10/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Thần kinh	M	9,08	7,25	6,75	23,08
13	717155	Nguyễn Văn	Kiều	Nữ	10/10/2000	Bình Định	Thần kinh	M	8,67	7,58	6,67	22,92
14	717371	Hứa Việt Thu	Uyên	Nữ	04/07/2001	Quảng Nam	Thần kinh	M	8,42	7,08	6,42	21,92
15	717154	Tạ Tuấn	Kiệt	Nam	25/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Thần kinh	M	8,75	7,17	5,58	21,5
16	717122	Bùi Thanh	Huyền	Nữ	02/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Thần kinh	M	7,92	7,08	5,58	20,58
17	717011	Lê Như Hoàng	Anh	Nam	15/05/2001	Gia Lai	Thần kinh	M	9,42	6,67	7,92	24,01
18	717189	Lê Hữu	Minh	Nam	07/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Thần kinh	M	9,08	6,42	7,17	22,67
19	717019	Nguyễn Xuân	Bách	Nam	13/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Thần kinh	M	8,5	6,92	6,42	21,84
20	717255	Bùi Hiệp	Phú	Nam	02/07/2001	Cần Thơ	Thần kinh	M	8,67	6,75	6,42	21,84
21	717038	Nguyễn Thị Huyền	Chi	Nữ	05/06/2001	Đắk Lắk	Thần kinh	M	8,5	6,67	5,83	21
22	717040	Lê Đình	Chiến	Nam	31/08/2000	Ninh Thuận	Thần kinh	M	8	6,5	6,25	20,75

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyện vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
23	717093	Dương Thị Mỹ	Hiền	Nữ	19/04/2001	Bạc Liêu	Thần kinh	M	8,25	6,92	5,58	20,75
24	717193	Nguyễn Anh	Minh	Nam	13/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Thần kinh	M	7,33	6,75	6,5	20,58
25	717345	Diệp Mỹ	Trần	Nữ	22/08/2001	Trà Vinh	Thần kinh	M	7,58	6,33	6,58	20,49
26	717339	Phạm Đình Phúc	Toàn	Nam	23/10/2001	Cần Thơ	Thần kinh	M	8,33	6,33	5,83	20,49
27	717342	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	12/03/2001	Bình Dương	Thần kinh	M	8,67	6,25	5,08	20
28	717032	Bùi Dương Gia	Cầm	Nữ	02/08/2001	Cần Thơ	Thần kinh	M	7,58	6,08	5,75	19,41
29	717131	Trần Vĩ	Khang	Nam	02/02/2001	Đồng Tháp	Thần kinh	M	8,5	5,58	4,83	18,91
30	717006	Dương Nguyễn Triệu	Anh	Nam	25/11/2001	Kiên Giang	Thần kinh	M	8,08	5,33	5,42	18,83
31	717171	Phạm Thảo	Linh	Nữ	09/08/2001	Khánh Hòa	Thần kinh	M	7,08	6,5	4,92	18,5
32	717316	Tôn Minh	Thư	Nữ	11/10/2001	An Giang	Thần kinh	M	6,58	5,58	5,5	17,66
33	717311	Bùi Thị Ngọc	Thư	Nữ	18/05/2000	Quảng Ngãi	Thần kinh	M	5,75	5,58	5,83	17,16
34	717290	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	18/06/2001	Quảng Ngãi	Thần kinh	M	6,75	5	4,83	16,58
35	717253	Phạm Nguyên	Phi	Nam	07/01/2001	Khánh Hòa	Thần kinh	M	5,33	5,5	4,08	14,91
36	717285	Lê Ngọc Minh	Tâm	Nữ	02/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Thần kinh	M	4,58	4,17	4,5	13,25
37	717373	Lê Thị Thanh	Uyên	Nữ	05/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Thần kinh	M	4,17	4,25	4,5	12,92
1	717354	Huỳnh Văn	Trí	Nam	21/08/2001	Vĩnh Long	Truyền nhiễm	M	9,33	8,17	8,33	25,83
2	717225	Lê Khôi	Nguyên	Nam	24/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Truyền nhiễm	M	9	7,08	7	23,08
3	717085	Lê Thị Hồng	Hạnh	Nữ	22/05/2001	Đắk Lắk	Truyền nhiễm	M	8,25	7,67	6,25	22,17
4	717162	Đặng Hương	Lan	Nữ	25/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Truyền nhiễm	M	7,5	6,67	6	20,17
5	717236	Phan Minh	Nhật	Nam	08/12/2001	Tiền Giang	Truyền nhiễm	M	7,83	5,58	6,67	20,08
6	717133	Lê Kim	Khanh	Nữ	05/04/2001	Cần Thơ	Truyền nhiễm	M	7,5	6,17	6,33	20
7	717060	Đinh Thị Thuý	Dương	Nữ	29/11/2001	Đồng Tháp	Truyền nhiễm	M	8,5	5,58	4,83	18,91
8	717052	Đinh Công	Đĩnh	Nam	12/08/2001	Tây Ninh	Truyền nhiễm	M	5,42	6,17	6,5	18,09
9	717119	Nguyễn Trọng	Huy	Nam	20/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Truyền nhiễm	M	6,67	6,17	4,67	17,51
10	717050	Kim Tam	Điền	Nam	30/01/2000	Vĩnh Long	Truyền nhiễm	3,75	4,58	3,5	4,67	12,75
11	717330	Lưu Nguyễn Cẩm	Tiên	Nữ	29/04/2001	Tây Ninh	Truyền nhiễm	M	0	0	0	0
1	717325	Nguyễn Thị Lê	Thủy	Nữ	03/11/2001	Gia Lai	Y học gia đình	M	9,08	7,83	8	24,91
2	717313	Huỳnh Minh	Thư	Nữ	15/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Y học gia đình	M	8,92	7,33	5,92	22,17
3	717346	Nguyễn Cẩm	Trần	Nữ	11/02/2000	Bình Định	Y học gia đình	M	8,92	7	6,08	22
4	717333	Đỗ Thị	Tiên	Nữ	09/04/2001	Bình Định	Y học gia đình	M	8,33	7,58	6	21,91
5	717203	Nguyễn Ngọc Trà	My	Nữ	23/08/2001	Đồng Nai	Y học gia đình	M	6	7,5	6,17	19,67
6	717279	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	Nữ	27/05/2001	Đắk Lắk	Y học gia đình	M	8,17	4,92	6,25	19,34
7	717307	Hồ Thị	Thọ	Nữ	21/04/2001	Quảng Nam	Y học gia đình	M	6,67	6,42	5,67	18,76
8	717332	Trần Thị Mỹ	Tiên	Nữ	27/10/2001	Long An	Y học gia đình	M	7,83	5,67	5,25	18,75
9	717178	Đào Thị Cẩm	Ly	Nữ	20/07/1992	Đồng Nai	Y học gia đình	M	7,33	6,25	5	18,58

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
10	717057	Âu Thị Phương	Dung	Nữ	01/03/2001	Cần Thơ	Y học gia đình	M	7,08	5,83	4,42	17,33
11	717091	Phạm Quang Minh	Hiên	Nữ	26/03/2001	An Giang	Y học gia đình	M	5	5,17	5,33	15,5
12	717323	Đồng Ngọc Như	Thủy	Nữ	05/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Y học gia đình	M	5,17	4,75	4,67	14,59
13	717221	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	10/11/2001	Đắk Lắk	Y học gia đình	M	3,67	4,67	4,67	13,01
14	717206	Hồ Ngọc Kim	Ngân	Nữ	31/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Y học gia đình	M	6,33	5,83	0	12,16
1	757048	Phan Thị Thanh	Nhàn	Nữ	05/11/2001	Thừa Thiên Huế	Răng - Hàm - Mặt	M	8,67	8,31	8	24,98
2	757004	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	Nữ	23/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	9,5	7,37	8,08	24,95
3	757016	Nguyễn Văn	Định	Nam	20/08/2001	Quảng Nam	Răng - Hàm - Mặt	M	8,92	7,63	8,25	24,8
4	757039	Võ Ngọc Anh	Minh	Nữ	24/12/2001	Thừa Thiên Huế	Răng - Hàm - Mặt	M	9,08	7,54	8,08	24,7
5	757003	Phạm Văn	An	Nam	06/06/2001	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt	M	8,92	8,05	7,67	24,64
6	757078	Trương Ngọc	Tuyền	Nữ	15/03/2001	Cần Thơ	Răng - Hàm - Mặt	M	8,67	7,63	8,17	24,47
7	757054	Đào Minh	Phú	Nam	23/07/2001	Bình Phước	Răng - Hàm - Mặt	M	8,75	7,88	7,5	24,13
8	757019	Hồ Vĩnh	Duy	Nam	08/01/2001	Cần Thơ	Răng - Hàm - Mặt	M	8,42	7,37	8,17	23,96
9	757026	Nông Văn	Hoà	Nam	10/10/2001	Đắk Lắk	Răng - Hàm - Mặt	M	7,92	8,14	7,75	23,81
10	757076	Trần Minh	Tuấn	Nam	10/04/2001	Đồng Nai	Răng - Hàm - Mặt	M	8,42	7,37	8	23,79
11	757038	Nguyễn Thế	Long	Nam	13/04/2001	Tiền Giang	Răng - Hàm - Mặt	M	8,33	7,46	7,92	23,71
12	757008	Huỳnh Thủy Băng	Châu	Nữ	22/09/2001	Tây Ninh	Răng - Hàm - Mặt	M	7,67	7,97	8	23,64
13	757047	Nguyễn Trần Đình	Nguyên	Nam	11/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	8,33	7,54	7,58	23,45
14	757037	Nguyễn Gia	Lợi	Nam	13/09/2001	Trà Vinh	Răng - Hàm - Mặt	M	7,83	7,71	7,83	23,37
15	757023	Trần Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	06/08/2001	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt	M	7,83	7,37	8,08	23,28
16	757020	Nguyễn Mỹ	Duyên	Nữ	02/01/2001	Bạc Liêu	Răng - Hàm - Mặt	M	7,67	7,71	7,83	23,21
17	757055	Lương Công Hoàng	Phú	Nam	07/08/2001	Ninh Thuận	Răng - Hàm - Mặt	M	8,42	7,29	7,5	23,21
18	757041	Lương Văn	Nam	Nam	19/03/2001	Nam Định	Răng - Hàm - Mặt	M	7,5	7,63	7,83	22,96
19	757032	Nguyễn Văn	Khôi	Nam	24/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	8,5	7,12	7,33	22,95
20	757045	Tô Bảo	Ngọc	Nữ	01/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	7,83	7,54	7,5	22,87
21	757074	Lâm Kỳ	Trung	Nam	30/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	8	7,37	7,42	22,79
22	757011	Nguyễn Văn	Chung	Nam	13/08/2001	Thanh Hóa	Răng - Hàm - Mặt	M	8,5	7,03	7,25	22,78
23	757070	Nguyễn Thanh	Tín	Nam	03/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	8,58	7,2	6,92	22,7
24	757062	Dương Quốc	Thành	Nam	02/10/2001	Đà Nẵng	Răng - Hàm - Mặt	M	7,17	7,37	7,83	22,37
25	757018	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	31/05/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Răng - Hàm - Mặt	M	7,83	7,2	7,25	22,28
26	757051	Nguyễn Anh	Nhất	Nam	01/08/2001	Quảng Ngãi	Răng - Hàm - Mặt	M	7,42	7,29	7,42	22,13
27	757034	Nguyễn Thụy	Khuê	Nữ	15/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	6,58	7,63	7,67	21,88
28	757044	Phạm Trung	Nghĩa	Nam	29/09/2001	Hải Phòng	Răng - Hàm - Mặt	M	7,92	7,12	6,25	21,29
29	757010	Đinh Bùi Bảo	Chung	Nam	29/05/2001	Kon Tum	Răng - Hàm - Mặt	M	7,33	7,12	6,67	21,12
30	757001	Đoàn Thùy	An	Nữ	15/02/2001	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt	M	6,33	7,03	7,75	21,11

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyên vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
31	757014	Kha Trường	Đạt	Nam	15/07/2001	Trà Vinh	Răng - Hàm - Mặt	M	6,58	7,2	7,25	21,03
32	757024	Đặng Trần Ngọc	Hiền	Nữ	14/10/2001	Khánh Hòa	Răng - Hàm - Mặt	M	6,58	7,29	6,83	20,7
33	757053	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	07/09/2001	Quảng Nam	Răng - Hàm - Mặt	M	6,5	7,03	6,08	19,61
34	757063	Hoàng Nguyễn Nhất	Thi	Nữ	16/02/2001	An Giang	Răng - Hàm - Mặt	M	8,75	6,86	7,08	22,69
35	757066	Đoàn Thị Anh	Thư	Nữ	25/08/2001	Quảng Ngãi	Răng - Hàm - Mặt	M	7,67	6,95	7,92	22,54
36	757049	Đoàn Phan Chí	Nhân	Nam	11/12/1999	Cần Thơ	Răng - Hàm - Mặt	M	8,25	6,78	7,08	22,11
37	757059	Bùi Quang Thái	Son	Nam	17/11/2001	Bình Định	Răng - Hàm - Mặt	M	7,33	6,86	7,67	21,86
38	757067	Vũ Thị Như	Thùy	Nữ	18/02/2001	Đắk Lắk	Răng - Hàm - Mặt	M	7,58	6,86	7,08	21,52
39	757009	Nguyễn Thái Duy	Châu	Nam	13/04/2001	Gia Lai	Răng - Hàm - Mặt	M	8,08	6,86	6,58	21,52
40	757025	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	04/04/2001	Trà Vinh	Răng - Hàm - Mặt	M	7	6,53	7,33	20,86
41	757056	Nguyễn Xuân	Phú	Nam	01/02/2001	Khánh Hòa	Răng - Hàm - Mặt	M	7,58	6,53	6,42	20,53
42	757029	Nguyễn Vĩnh	Khiêm	Nam	23/11/2001	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt	M	7,83	6,61	6	20,44
43	757015	Vũ Văn	Đình	Nam	05/05/2001	Nam Định	Răng - Hàm - Mặt	M	7,67	6,61	5,75	20,03
44	757036	Trần Diệp Vĩnh	Lộc	Nam	10/02/2001	Bến Tre	Răng - Hàm - Mặt	M	7,75	5,85	6,33	19,93
45	757057	Nguyễn Xuân	Phước	Nam	01/02/2001	Khánh Hòa	Răng - Hàm - Mặt	M	7,67	6,1	6,08	19,85
46	757064	Nguyễn Trần Anh	Thi	Nữ	24/03/2001	Tây Ninh	Răng - Hàm - Mặt	M	6,42	6,36	6,75	19,53
47	757006	Lê Ngọc	Bảo	Nam	11/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	6,67	6,53	6	19,2
48	757058	Lê Song Như	Quỳnh	Nữ	07/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	6	6,36	6,83	19,19
49	757002	Nguyễn Hữu Trường	An	Nam	13/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	6	6,78	6	18,78
50	757046	Bùi Hoàng Khôi	Nguyên	Nữ	11/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	6,75	6,53	5,33	18,61
51	757069	Nguyễn Thị Kim	Thy	Nữ	16/10/2001	Bình Dương	Răng - Hàm - Mặt	M	6,58	6,02	5,75	18,35
52	757021	Đặng Trần Hà	Giang	Nữ	12/08/2001	Kon Tum	Răng - Hàm - Mặt	M	5,5	6,95	5,83	18,28
53	757012	Phan Đặng Khánh	Đan	Nữ	17/04/2001	Quảng Nam	Răng - Hàm - Mặt	M	5,58	5,93	6,75	18,26
54	757065	Lê Bá	Thịnh	Nam	14/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	7,17	5,68	5,25	18,1
55	757077	Lê Anh	Tùng	Nam	23/04/2001	Đồng Nai	Răng - Hàm - Mặt	M	5,67	6,02	6,33	18,02
56	757060	Trần Thị Như	Tâm	Nữ	27/06/2001	Cà Mau	Răng - Hàm - Mặt	M	5,92	5,85	6,25	18,02
57	757061	Đỗ Thị Hồng	Thắm	Nữ	21/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	6,42	6,19	5,33	17,94
58	757031	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	30/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	6,92	5,93	4,92	17,77
59	757017	Lê Nguyên	Dung	Nữ	24/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	6,5	5,42	5,67	17,59
60	757027	Trần Quang	Huy	Nam	11/5/2001	Cần Thơ	Răng - Hàm - Mặt	M	5,92	6,19	5,42	17,53
61	757073	Lê Ngọc Vân	Trình	Nữ	28/03/2001	Quảng Ngãi	Răng - Hàm - Mặt	M	5,75	6,44	4,67	16,86
62	757080	Dương Thế	Vinh	Nam	07/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	5,75	6,36	4,58	16,69
63	757013	Đỗ Nguyên	Đạt	Nam	15/06/2001	Quảng Nam	Răng - Hàm - Mặt	5,67	4,67	5,93	6,08	16,68
64	757043	Lê Đại	Nghĩa	Nam	26/01/2001	Quảng Nam	Răng - Hàm - Mặt	M	5,33	6,19	5,08	16,6
65	757042	Nguyễn Lê	Ngân	Nữ	19/09/2001	Đắk Lắk	Răng - Hàm - Mặt	M	4,75	5,25	6,25	16,25

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyện vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
66	757030	Trần Việt	Khoa	Nam	22/07/2001	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt	M	3,25	5,85	5,25	14,35
67	757068	Nguyễn Minh Hoàng	Thy	Nữ	09/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	4,75	5,25	4,33	14,33
68	757052	Trương Bùi Ái	Nhi	Nữ	27/11/2001	Bình Định	Răng - Hàm - Mặt	M	5	5,08	4	14,08
69	757035	Nguyễn Nhật	Linh	Nữ	20/06/1998	Gia Lai	Răng - Hàm - Mặt	M	4,08	6,1	3,58	13,76
70	757072	Nguyễn Hà Phương	Trang	Nữ	06/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	5	5,08	3,67	13,75
71	757022	Ngô Thế	Hải	Nam	18/11/2000	Tuyên Quang	Răng - Hàm - Mặt	M	4,67	4,41	4,58	13,66
72	757050	Nguyễn Thế Tri	Nhân	Nam	20/01/1999	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	9,08	5,67	4,75	2,83	13,25
73	757079	Nguyễn Lê Thanh	Vân	Nữ	29/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	7,08	3,5	4,92	4,25	12,67
74	757005	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	Nữ	15/09/2001	Khánh Hòa	Răng - Hàm - Mặt	M	3,83	5,76	2,67	12,26
75	757081	Trần Ngọc Thảo	Vy	Nữ	11/02/2001	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt	M	3,92	4,24	3,92	12,08
76	757071	Lê Ngọc Minh	Trang	Nữ	01/02/2001	Tây Ninh	Răng - Hàm - Mặt	M	0	0	0	0
77	757007	Đỗ Trọng	Bin	Nam	17/05/2000	Gia Lai	Răng - Hàm - Mặt	M	0	0	0	0
78	757028	Mai	Khanh	Nữ	03/08/2001	Đắk Lắk	Răng - Hàm - Mặt	M	0	0	0	0
79	757033	Vũ Hoàng	Khôi	Nam	24/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt	M	0	0	0	0
80	757040	Võ Văn	Minh	Nam	21/03/2001	Quảng Trị	Răng - Hàm - Mặt	M	0	0	0	0
81	757075	Dương Mạnh	Tuấn	Nam	15/06/2001	Phú Yên	Răng - Hàm - Mặt	M	0	0	0	0
1	772014	Lê Nguyễn Hồng	Hân	Nữ	15/06/2001	Vĩnh Long	Y học cổ truyền	M	9,25	9,08	8,5	26,83
2	772010	Phan Văn	Đức	Nam	09/04/2001	Hưng Yên	Y học cổ truyền	M	9,17	9,17	8,42	26,76
3	772001	Lê Khánh Phương	An	Nữ	04/09/2001	Bình Thuận	Y học cổ truyền	M	9,17	8,83	8,33	26,33
4	772033	Nguyễn Ngọc Như	Thảo	Nữ	30/10/2001	Vĩnh Long	Y học cổ truyền	M	8,58	9	8,5	26,08
5	772006	Doãn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	03/04/2001	Lâm Đồng	Y học cổ truyền	M	8,5	9,17	8,25	25,92
6	772021	Phạm Nguyễn Khánh	Ngân	Nữ	02/06/2001	Long An	Y học cổ truyền	M	8,92	9,17	7,67	25,76
7	772011	Vũ Thị Mỹ	Dung	Nữ	11/08/2001	Lâm Đồng	Y học cổ truyền	M	8,42	9,08	8,25	25,75
8	772044	Huỳnh Lâm Tường	Vy	Nữ	15/09/2001	Long An	Y học cổ truyền	M	7,75	9,17	8,58	25,5
9	772032	La Chí	Thanh	Nữ	21/12/2001	Bình Phước	Y học cổ truyền	M	8,42	8,83	8,08	25,33
10	772004	Vũ Trần Minh	Anh	Nữ	28/03/2000	TP. Hồ Chí Minh	Y học cổ truyền	M	8,42	9,08	7,67	25,17
11	772028	Nguyễn Trúc	Phương	Nữ	21/03/2001	Tây Ninh	Y học cổ truyền	M	8,17	9	7,92	25,09
12	772017	Hồ Hoàng	Khôi	Nam	04/05/2001	Kiên Giang	Y học cổ truyền	M	8,75	8,67	7,67	25,09
13	772042	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	30/05/2001	Đà Nẵng	Y học cổ truyền	M	7,83	9,25	8	25,08
14	772008	Đinh Quang	Đại	Nam	15/10/2001	Bến Tre	Y học cổ truyền	M	7,83	8,83	8,17	24,83
15	772038	Võ Thị Diễm	Thúy	Nữ	13/03/2001	Bến Tre	Y học cổ truyền	M	8,33	8,92	7,5	24,75
16	772030	Nguyễn Linh	Quang	Nam	20/06/2001	Đắk Nông	Y học cổ truyền	M	8	8,75	7,58	24,33
17	772031	Phạm Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	11/09/2001	Bình Thuận	Y học cổ truyền	M	8,42	8,42	7,17	24,01
18	772035	Nguyễn Hồ Trường	Thịnh	Nam	11/08/2001	Đồng Tháp	Y học cổ truyền	M	7,67	8,5	7,5	23,67
19	772026	Nguyễn Kim	Phụng	Nữ	03/09/2001	Đồng Tháp	Y học cổ truyền	M	7,92	8,67	7	23,59

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Nguyện vọng 1	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
20	772013	Đinh Mỹ	Duyên	Nữ	30/10/2001	Ninh Thuận	Y học cổ truyền	M	7,5	8,58	7,5	23,58
21	772020	Nguyễn Quang	Minh	Nam	20/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Y học cổ truyền	M	7,58	8,17	7,17	22,92
22	772046	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	28/01/2001	Kiên Giang	Y học cổ truyền	M	7,17	8,33	7,25	22,75
23	772023	Trần Nguyễn Minh	Nhật	Nam	6/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Y học cổ truyền	M	7,33	8	7,25	22,58
24	772045	Dương Trần Mỹ	Ý	Nữ	04/04/2001	Quảng Nam	Y học cổ truyền	M	7,83	8,17	6,58	22,58
25	772005	Doãn Phạm Ngọc	Ánh	Nữ	10/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Y học cổ truyền	M	7,08	8,17	7	22,25
26	772012	Nguyễn Trí	Dũng	Nam	11/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Y học cổ truyền	M	6,67	8,25	7,25	22,17
27	772022	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	25/04/2001	Kiên Giang	Y học cổ truyền	M	7,58	7,5	6,92	22
28	772040	Nguyễn Thị Hải	Tiên	Nữ	17/06/2001	Quảng Ngãi	Y học cổ truyền	M	6,83	7,67	6,58	21,08
29	772027	Lê Thị Đông	Phương	Nữ	24/11/2001	An Giang	Y học cổ truyền	M	6,75	7,5	6,33	20,58
30	772029	Lê Đức	Quang	Nam	23/09/1998	Kiên Giang	Y học cổ truyền	M	5,5	7,33	7,5	20,33
31	772016	Lê Hoàng Gia	Huy	Nam	24/09/2001	Bình Thuận	Y học cổ truyền	M	5,75	7,67	6,83	20,25
32	772036	Mai Nhật Anh	Thư	Nữ	02/10/2000	Khánh Hòa	Y học cổ truyền	M	5,58	7,92	6,67	20,17
33	772007	Ngô Xuân	Bách	Nam	13/07/2001	Thanh Hóa	Y học cổ truyền	M	5,83	7,67	6,58	20,08
34	772019	Võ Đăng	Linh	Nam	02/04/2001	Bạc Liêu	Y học cổ truyền	M	5,92	7,75	6,33	20
35	772041	Nguyễn Thị Huyền	Trần	Nữ	15/06/2001	Ninh Thuận	Y học cổ truyền	M	5,17	7,92	6,67	19,76
36	772009	Nguyễn Trần Tiến	Đạt	Nam	08/06/2001	An Giang	Y học cổ truyền	M	4,92	8,92	7,08	20,92
37	772025	Tô Phan Tấn	Phát	Nam	12/02/2001	Quảng Ngãi	Y học cổ truyền	M	7	6,92	6,5	20,42
38	772034	Thành Nữ Phương	Thảo	Nữ	20/11/2001	Ninh Thuận	Y học cổ truyền	4,42	5,58	7,67	6,92	20,17
39	772039	Nguyễn Xuân	Thùy	Nam	30/04/1999	Bình Định	Y học cổ truyền	4,75	6,17	7,08	6,83	20,08
40	772002	Đoàn Thị Phương	Anh	Nữ	03/04/2001	Tây Ninh	Y học cổ truyền	M	6,42	6,58	6	19
41	772015	Phan Nguyễn Quỳnh	Hương	Nữ	05/04/2001	Đồng Nai	Y học cổ truyền	M	5,67	6,92	6,33	18,92
42	772043	Nguyễn Phan Thanh	Vân	Nữ	04/02/2001	Lâm Đồng	Y học cổ truyền	M	6,08	6,92	5,75	18,75
43	772003	Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	01/12/2001	Đồng Nai	Y học cổ truyền	M	4,67	7,5	6,42	18,59
44	772018	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	14/05/2001	Tiền Giang	Y học cổ truyền	M	4,08	7	6,33	17,41
45	772037	Trần Nhật	Thúy	Nữ	28/06/2001	An Giang	Y học cổ truyền	M	5,5	6,83	5,08	17,41
46	772024	Đỗ Huỳnh	Như	Nữ	06/06/2001	An Giang	Y học cổ truyền	M	0	0	0	0

Ấn định danh sách có 895 (tám trăm chín mươi lăm) thí sinh đăng ký thi tuyển sinh bác sĩ nội trú năm 2025. *hao*

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG
Ngô Quốc Đạt